UBND PHƯỜNG NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MN THỐNG NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 27 /KH-MNTN

Nam Định, ngày 20 tháng 10 năm 2026

KẾ HOẠCH
NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2026–2027

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 09/2026/VBHN-TT-BGDĐT ngày 23 tháng 7 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 và Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT ngày 12 tháng 5 năm 2016 của Bộ Y tế và Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về công tác y tế trường học;

Căn cứ Quyết định số 3032/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2026–2027 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ Công văn số 3916/SGDĐT-GDMN ngày 23 tháng 9 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2026–2027;

Căn cứ Công văn số 5555/BGDĐT-GDPT ngày 18 tháng 8 năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 30 tháng 01 năm 2026 và Quyết định số 3270/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2026 của UBND phường Nam Định về việc sáp nhập các trường mầm non;

Căn cứ Kế hoạch số 17/KH-MNTN ngày 19 tháng 10 năm 2026 của Trường Mầm non Thống Nhất về thực hiện nhiệm vụ năm học 2026 - 2027;

Căn cứ tình hình thực tế về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, quy mô nhóm lớp, số trẻ và điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường sau sáp nhập;

Trường Mầm non Thống Nhất xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ năm học 2026 - 2027 như sau:

II. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Quy mô tổ chức

Sau khi sáp nhập năm 2026, Trường Mầm non Thống Nhất vận hành theo mô hình gồm 01 trường chính, 02 phân hiệu và 02 điểm trường:

Trụ sở trường chính: Số 127 Nguyễn Đức Thuận, Tổ dân phố (TDP) Thống Nhất 1, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình.

Phân hiệu số 1: Số 33 Tức Mạc, phường Nam Định (nguyên là Trường MN Lộc Vượng cũ).

Phân hiệu số 2: TDP Mỹ Phúc 2, phường Nam Định (nguyên là Trường MN Mỹ Phúc cũ).

Điểm trường số 1 (thuộc trường chính): Số 132 Vũ Trọng Phụng, phường Nam Định.

Điểm trường số 2 (thuộc phân hiệu 2): TDP Mỹ Phúc 3, phường Nam Định.

2. Quy mô nhóm/lớp, học sinh và Đội ngũ nhân sự (Tháng 9/2026)

*** Quy mô nhóm/ lớp, học sinh:**

Nhà trường có tổng cộng 39 nhóm/lớp với 1.039 trẻ:

Khối Nhà trẻ: 08 nhóm với 173 trẻ.

Khối Mẫu giáo: 31 lớp (bao gồm 11 lớp Mẫu giáo bé 3–4 tuổi với 270 trẻ; 10 lớp Mẫu giáo nhỡ 4–5 tuổi với 249 trẻ; 10 lớp Mẫu giáo lớn 5–6 tuổi với 332 trẻ).

Trong đó Trụ sở chính có 12 nhóm/ lớp (2 nhóm trẻ, 10 lớp mẫu giáo)

Điểm trường 1: 05 nhóm / lớp (1 nhóm trẻ, 04 lớp MG)

Phân hiệu 1: 07 nhóm/ lớp (02 nhóm trẻ, 5 lớp Mẫu giáo)

Phân hiệu 2: 07 nhóm/ lớp (01 nhóm trẻ, 6 lớp Mẫu giáo)

Điểm trường 2: 08 nhóm/ lớp (02 nhóm trẻ, 06 lớp mẫu giáo)

*** Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên (CBGVNV):**

Tổng số: 112 CBGVNV (gồm 74 CBGV và 28 nhân viên).

Trong đó có 85 biên chế (01 hiệu trưởng, 03 Phó hiệu trưởng, 78 giáo viên, 01 kế toán, 01 văn thư, 01 thủ quỹ) và 25 nhân viên hợp đồng (16 nhân viên nuôi dưỡng, 9 bảo vệ).

Trình độ chuyên môn: 01 Thạc sĩ, 59 ĐHSPMN, 21 CĐSPMN và 01 Trung cấp.

Tổng số Đảng viên: 53 đ/c (2 đảng viên dự bị)

Số tổ chuyên môn: 01 tổ Nhà trẻ, 01 tổ MG 3-4 tuổi, 01 tổ MG 4-5 tuổi, 01 tổ MG 5-6 tuổi, 01 tổ dinh dưỡng, 01 tổ văn phòng.

*** Cơ sở vật chất và Trang thiết bị**

Toàn trường có 39 phòng học, các phòng chức năng và 05 nhà bếp bán trú được thiết kế theo quy trình bếp 1 chiều, trang thiết bị nhà bếp cơ bản đầy đủ, hiện đại

Trang thiết bị ứng dụng CNTT: Nhà trường được trang bị 31 máy vi tính, 02 máy/màn chiếu; 39/39 lớp học đều có tivi, điều hòa và bình nóng lạnh.

*** Thuận lợi:**

Nhà trường nhận được sự chỉ đạo của UBND phường Nam Định, Sở Giáo dục và Đào tạo và có hệ thống văn bản hướng dẫn nhiệm vụ năm học.

Sau sáp nhập, mạng lưới 01 trường chính, 02 phân hiệu và 02 điểm trường tạo thuận lợi cho việc tiếp nhận trẻ tại các khu dân cư và thực hiện phổ cập giáo dục mầm non.

Đội ngũ từ các cơ sở trước sáp nhập có kinh nghiệm nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ; nhà trường đã có phòng học, bếp bán trú và các công cụ quản lý số làm nền tảng tổ chức hoạt động.

Sự phối hợp của cha mẹ trẻ là điều kiện thuận lợi để nhà trường nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục và bảo đảm an toàn cho trẻ.

*** Khó khăn:**

- Nhà trường có 01 trụ sở chính, 02 phân hiệu và 02 điểm trường, các địa điểm hoạt động phân tán, gây khó khăn cho việc chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và hỗ trợ chuyên môn thường xuyên. Sau sáp nhập, việc thống nhất nền nếp, quy chế chuyên môn, hệ thống hồ sơ, cách xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục giữa các cơ sở cần có thời gian điều chỉnh.

- Nhà trường còn thiếu giáo viên so với nhu cầu thực tế, gây khó khăn trong bố trí giáo viên đứng lớp, tổ chức các hoạt động giáo dục và bảo đảm chế độ làm việc.

- Đội ngũ giáo viên từ các trường trước sáp nhập có sự khác biệt về kinh nghiệm, năng lực chuyên môn, phương pháp tổ chức hoạt động và khả năng ứng dụng công nghệ thông tin. Việc điều chỉnh, phân công lại giáo viên giữa các nhóm, lớp và cơ sở ảnh hưởng nhất định đến tâm lý, sự ổn định và khả năng phối hợp trong công việc.

- Công tác bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, dự giờ và trao đổi kinh nghiệm giữa giáo viên ở các địa điểm gặp khó khăn do khoảng cách địa lý và thời gian làm việc.

- Việc xây dựng kế hoạch giáo dục thống nhất toàn trường nhưng vẫn bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ sở còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng tổ chức hoạt động giáo dục giữa các nhóm, lớp chưa thực sự đồng đều; việc đổi mới phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức hoạt động trải nghiệm, khám phá còn phụ thuộc vào năng lực của từng giáo viên.

- Việc triển khai các chuyên đề mới, đặc biệt là "Tăng cường giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương", đòi hỏi giáo viên phải nghiên cứu, lựa chọn nội dung, xây dựng học liệu và hình thức tổ chức phù hợp. Công tác chuẩn bị các điều kiện để triển khai thí điểm Chương trình giáo dục mầm non mới đặt ra yêu cầu cao về năng lực đội ngũ, cơ sở vật chất và phương pháp tổ chức giáo dục.

- Một số hạng mục cơ sở vật chất cần được sửa chữa, cải tạo, bổ sung để đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Việc tổ chức, quản lý hoạt động bán trú tại nhiều địa điểm đòi hỏi sự thống nhất về thực đơn, khẩu phần, quy trình chế biến, kiểm thực, lưu mẫu và kiểm soát an toàn thực phẩm.Việc kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình chăm sóc, vệ sinh, phòng chống dịch bệnh, phòng tránh tai nạn thương tích cần được tiến hành thường

xuyên tại tất cả các địa điểm.

- Dữ liệu trẻ em, giáo viên, nhóm lớp và cơ sở vật chất sau sáp nhập cần được rà soát, cập nhật và đồng bộ trên hệ thống cơ sở dữ liệu ngành.

- Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác phần mềm quản lý và xây dựng học liệu số của giáo viên chưa đồng đều. Việc thống nhất hệ thống hồ sơ chuyên môn điện tử và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở cần có thời gian và giải pháp phù hợp.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NĂM HỌC 2026-2027

III.1.Nhiệm vụ chung: Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong điều kiện nhà trường sau sáp nhập

Tập trung ổn định tổ chức, đổi mới công tác quản lý, chỉ đạo chuyên môn phù hợp với mô hình trường có nhiều phân hiệu, điểm trường; phân công rõ trách nhiệm của từng cán bộ quản lý, tổ chuyên môn và giáo viên.

Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở, thống nhất quy chế chuyên môn, hệ thống hồ sơ, quy trình tổ chức hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ trong toàn trường.

Rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ, cơ sở vật chất, trang thiết bị và chất lượng giáo dục tại từng địa điểm để xây dựng kế hoạch chỉ đạo, hỗ trợ phù hợp. Tham mưu bố trí, sử dụng đội ngũ hợp lý; đề xuất bổ sung giáo viên còn thiếu.

Đẩy mạnh bồi dưỡng chuyên môn, sinh hoạt chuyên môn liên cơ sở, phát huy vai trò giáo viên cốt cán, tăng cường dự giờ, trao đổi kinh nghiệm, hỗ trợ giáo viên nâng cao năng lực thực hiện chương trình.

Chỉ đạo xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục thống nhất về mục tiêu, yêu cầu cần đạt, đồng thời bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế và đặc điểm phát triển của trẻ tại từng nhóm, lớp. Tăng cường đổi mới phương pháp giáo dục lấy trẻ làm trung tâm, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, khám phá, thực hành; triển khai hiệu quả chuyên đề "Tăng cường giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương" và chuẩn bị các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục mầm non mới theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

Nâng cao chất lượng công tác nuôi dưỡng, chăm sóc sức khỏe và bảo đảm an toàn cho trẻ; thống nhất quy trình tổ chức bán trú, kiểm soát an toàn thực phẩm, vệ sinh, phòng chống dịch bệnh và phòng tránh tai nạn thương tích tại tất cả các địa

điểm. Tăng cường giáo dục đạo đức nghề nghiệp, văn hóa ứng xử, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện và tôn trọng trẻ.

Rà soát, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và học liệu hiện có; ưu tiên bổ sung các điều kiện còn thiếu, từng bước thu hẹp sự chênh lệch về điều kiện tổ chức hoạt động giáo dục giữa các cơ sở. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, xây dựng kế hoạch và chia sẻ học liệu chuyên môn.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tư vấn và hỗ trợ chuyên môn, nhất là tại các phân hiệu, điểm trường. Định kỳ đánh giá chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo từng cơ sở, từng nhóm lớp; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, điều chỉnh biện pháp chỉ đạo, phấn đấu bảo đảm chất lượng giáo dục đồng đều, ổn định và từng bước nâng cao trong toàn trường.

III.2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

1. Công tác nuôi dưỡng

a) Nhiệm vụ:

100% trẻ được nuôi ăn tại trường với mức ăn mức tiền ăn được thống nhất theo phương án đã công khai và lấy ý kiến cha mẹ trẻ;

Thực đơn thay đổi 2 tuần không lặp lại và được công khai tại bảng tin, các bữa ăn của trẻ đảm bảo cân đối đầy đủ, cân đối các chất dinh dưỡng.

95%-100% trẻ phát triển bình thường về chiều cao, cân nặng.

100% CBGV, nhân viên dinh dưỡng được khám sức khoẻ định kỳ và được tập huấn kiến thức về vệ sinh an toàn thực phẩm

100% cơ sở cung cấp thực phẩm đảm bảo chất lượng thực phẩm tốt, rõ nguồn gốc và đảm bảo đầy đủ hồ sơ theo qui định. Có đầy đủ giấy chứng nhận kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm và phòng chống dịch bệnh.

Phấn đấu 100% đồ dùng phục vụ trong nhà bếp và ăn uống của trẻ đều bằng inox chất lượng cao. Không để xảy ra tình trạng mất vệ sinh an toàn thực phẩm và ngộ độc trong nhà trường.

b. Giải pháp:

Thực hiện nghiêm túc việc tổ chức công tác nuôi dưỡng theo quy định về số bữa ăn, nhu cầu dinh dưỡng khuyến nghị, phân bố bữa ăn phù hợp; phối hợp với ngành y tế bảo đảm an toàn thực phẩm trong nhà trường theo quy định;

Tăng cường các điều kiện bảo đảm tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà trường.

Tăng cường công tác kiểm tra và sự tham gia giám sát của Ban đại diện cha mẹ trẻ em trong việc bảo đảm chất lượng bữa ăn và an toàn thực phẩm, kịp thời chấn chỉnh, xử lý những sai phạm trong công tác nuôi dưỡng cho trẻ tại nhà trường.

Xây dựng kế hoạch triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm trong trường mầm non.

Lập phiếu khảo sát và tổng hợp Khảo sát ý kiến cha mẹ học sinh về việc lựa chọn sản phẩm sữa học đường. Công khai thông tin về đơn vị cung ứng thực phẩm, sữa tới địa phương và cha mẹ trẻ cùng giám sát.

Kiện toàn ban chỉ đạo công tác bảo đảm an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm trong trường và Tổ giám sát về tăng cường công tác phòng dịch và quản lý vệ sinh dinh dưỡng, an toàn thực phẩm thực hiện.

Phân công rõ nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng thành viên trong Ban, nhiệm vụ kiểm tra công tác đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm trong các hoạt động hàng ngày ở trường của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh.

Tổ chức ký hợp đồng cam kết tới nhà cung cấp thực phẩm sạch, an toàn có sự giám sát của cán bộ y tế và Ban đại diện cha mẹ học sinh

Tổ chức bồi dưỡng cho CBGV, công nhân viên về nội dung an toàn thực phẩm và kiến thức về vệ sinh ATTP, phòng chống dịch bệnh theo mùa, phòng chống suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì, đặc biệt bồi dưỡng thông qua hội thi nâng cao tay nghề cho 100% cô nuôi, tổ chức khám sức khỏe định kỳ và bồi dưỡng kiến thức về vệ sinh ATTP, phòng chống dịch bệnh.

Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ trong đó chú trọng nội dung Kiểm tra tay nghề cô nuôi. Chú trọng chất lượng bữa ăn cho các cháu, kiểm tra việc đảm bảo chế độ ăn uống hàng ngày, tính khẩu phần ăn cho trẻ, sử dụng phần mềm dinh dưỡng trong công tác kế toán và tính khẩu phần ăn.

Xây dựng thực đơn 2 tuần không lặp lại, luôn cập nhật các tiêu chuẩn về dinh dưỡng theo quy định tại Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021.

2. Chăm sóc và đảm bảo an toàn cho trẻ

2.1. Công tác y tế trường học:

a. Nhiệm vụ:

Thực hiện tốt công tác y tế trường học theo quy định. 100% trẻ đến trường được theo dõi, kiểm tra sức khỏe và đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng biểu đồ tăng trưởng;

100% phụ huynh và trẻ được tuyên truyền kịp thời về các dịch bệnh theo mùa và cách phòng chống dịch bệnh.

95%-100% trẻ phát triển bình thường theo độ tuổi

Có đủ danh mục thuốc, trang thiết bị và dụng cụ y tế theo qui định tại phòng Y tế

b. Giải pháp:

Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác y tế trường học năm học 2026-2027.

Thành lập Ban chăm sóc sức khỏe học sinh trong đó phân công rõ nhiệm vụ Ban chăm sóc sức khoẻ học sinh có trách nhiệm giúp nhà trường tổ chức, điều hành, đánh giá các hoạt động Quản lý, chăm sóc sức khỏe cho học sinh; Truyền thông giáo dục sức khoẻ cho học sinh; Phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm; Bảo đảm an toàn phòng chống tai nạn, thương tích; Bảo đảm vệ sinh, an toàn thực phẩm, dinh dưỡng; đảm bảo vệ sinh trường học;

Phối hợp với Trung tâm Y tế phường theo dõi, chăm sóc sức khỏe cho trẻ em như: khám sức khoẻ định kỳ, quản lý sức khoẻ, tiêm chủng và phòng chống dịch bệnh cho trẻ. Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch các thành viên trong Ban chăm sóc sức khỏe trẻ thường xuyên trao đổi, thống nhất về các phương pháp chăm sóc bữa ăn, giấc ngủ, thao tác vệ sinh, cách chấm biểu đồ theo dõi sức khỏe trẻ, triển khai kịp thời tới từng khối lớp.

Cập nhật, nắm bắt kịp thời diễn biến các dịch bệnh, để có biện pháp phòng tránh kịp thời. Theo dõi và thống kê đầy đủ số trẻ được cân, đo chấm biểu đồ theo dõi, đánh giá sự phát triển thể lực hàng tháng đối với trẻ nhà trẻ, hàng quý đối với trẻ mẫu giáo.

Thường xuyên phun khử khuẩn, sát khuẩn toàn bộ đồ dùng, đồ chơi ở tất cả các lớp bằng dung dịch Cloramin B đề phòng dịch bệnh...Tiến hành phun thuốc diệt ruồi, muỗi, kiến, gián trong và ngoài lớp học 2 lần /năm. Rà soát và mua sắm bổ sung trang bị đầy đủ các đồ dùng, dụng cụ phục vụ tại phòng y tế vào đầu năm học.

Tăng cường phối hợp với Trạm Y tế để đảm bảo các hoạt động y tế trường học được triển khai thường xuyên, hiệu quả. Tạo điều kiện và tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng cho đội ngũ CBGVNV về chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu, phòng chống dịch bệnh, bệnh không lây nhiễm và nâng cao kỹ năng tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe trong nhà trường

2.2. Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em; phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh

2.2.1. Bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ em

a. Nhiệm vụ:

Nhà trường thực hiện nghiêm túc Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT; tiếp tục đưa các nội dung Chuyên đề ‘‘Đẩy mạnh phòng chống bạo hành trẻ’’ vào nhiệm vụ thường xuyên của cơ sở GDMN; chú trọng công tác tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ;

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ các lớp mầm non độc lậptrong việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ.

100% lớp tiếp tục thực hiện thực hiện việc quán triệt, tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm cho CBQL, giáo viên và cha mẹ trẻ trong công tác đảm bảo an toàn cho trẻ.

100% CBGV được hướng dẫn thực hiện các biện pháp phòng chống bạo hành, các biện pháp hỗ trợ trẻ có nguy cơ bạo hành, các biện pháp can thiệp khi xảy ra bạo hành theo quy định. 100% các nhóm/ lớp được đánh giá, đôn đốc việc thực hiện các quy định về đảm bảo an toàn và công tác phòng, chống bạo hành trẻ.

100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần, không để xảy ra tình trạng bạo hành trẻ và tai nạn thương tích xảy ra trong nhà trường. Phấn đấu không có giáo viên vi phạm đạo đức nhà giáo. Cuối năm học, nhà trường đạt “Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ”.

b. Giải pháp:

Phổ biến tới toàn thể CBGV, nhân viên các công văn chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên về phòng, chống bạo hành trẻ trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Thành lập ban chỉ đạo công tác: "Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích" và ban chỉ đạo y tế trường học. Các ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên ngay từ đầu năm học.

Xây dựng kế hoạch phòng chống bạo hành và các biện pháp cụ thể về biện pháp phòng, ngừa; biện pháp hỗ trợ trẻ có nguy cơ bị bạo hành; biện pháp can thiệp khi xảy ra bạo hành theo quy định.

Tăng cường kiểm tra, giám sát các nhóm/lớp trong việc thực hiện các quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường theo Thông tư 45/2021/TT-BGDĐT bảo đảm an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ.

Đưa các nội dung của chuyên đề "Đẩy mạnh phòng, chống bạo hành trẻ" vào nhiệm vụ thường xuyên, trọng tâm của nhà trường.

Chỉ đạo giáo viên thường xuyên kiểm tra các đồ dùng và các trang thiết bị trong lớp nếu thấy dấu hiệu không an toàn báo cáo kịp thời về Ban giám hiệu, quản lý trẻ tốt không cho trẻ chơi những đồ chơi không đảm bảo an toàn.

Lắp đặt hệ thống camera giám sát tại cổng, sân trường và các nhóm lớp để theo dõi phòng ngừa bạo hành trẻ. Tổ chức tập huấn các kỹ năng phòng, chống bạo hành trẻ. Tăng cường áp dụng các biện pháp giáo dục tích cực, kỹ năng ứng xử với các tình huống bạo hành; xây dựng và thực hiện có hiệu quả bộ quy tắc ứng xử trong trường học.

Phối hợp chặt chẽ với gia đình, cộng đồng, có cơ chế giám sát trong công tác phòng, chống bạo hành trẻ.

Cung cấp đầy đủ văn bản cho các lớp mầm non độc lập về công tác đảm bảo an toàn cho trẻ, hướng dẫn các chủ nhóm thực hiện, cuối năm học làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận: "Trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ".

2.2.2. Chủ động phòng, chống và ứng phó hiệu quả với thiên tai, dịch bệnh.

a. Nhiệm vụ:

100% CBGV, nhân viên thực hiện nghiêm túc các văn bản quy phạm pháp luật của Chính phủ, của Bộ, Sở GD-ĐT, về đảm bảo an toàn cho trẻ trong nhà trường. Chủ động phòng chống, ứng phó thiên tai, dịch bệnh.

100% CBGV, nhân viên thực hiện nghiêm túc Thông tư 06/2022/TT-BGDĐT ngày 11/5/2022 của Bộ GD-ĐT hướng dẫn trang bị kiến thức, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cho học sinh, trong các cơ sở giáo dục.

100% nhóm/ lớp được đảm bảo "An toàn về an ninh trật tự".

100% CBGV, nhân viên trong nhà trường nghiêm túc thực hiện tốt quy chế chăm sóc trẻ, được tập huấn kỹ năng, biện pháp, cách sơ cứu ban đầu để đảm bảo an toàn, phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ như: Hóc, sặc, bỏng, điện giật, đuối nước, ngã, học tập băng bó cứu thương, cầm máu, sơ cấp cứu thông thường,... nhằm đảm bảo xử lý ngay và kịp thời khi có tai nạn xảy ra.

100% các nhóm lớp có góc tuyên truyền, tài liệu về cách phòng chống tai nạn thương tích cho trẻ và phòng chống bạo hành trẻ em.

100% các lớp có đầy đủ đồ dùng cá nhân cho trẻ sử dụng, đồ dùng, đồ chơi, học liệu phải được sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp, thuận tiện, đảm bảo vệ sinh, an toàn cho trẻ sử dụng.

b. Giải pháp:

Chủ động phòng chống và ứng phó với thiên tai dịch bệnh; phối hợp với trạm y tế phường thực hiện công tác phòng chống các dịch bệnh; đủ trang thiết bị để phòng chống dịch bệnh.

Xây dựng các phương án ứng phó với những diễn biến phức tạp, kế hoạch y tế trường học, phương án Phòng cháy Chữa cháy và Cứu nạn Cứu hộ...

Đảm bảo các yêu cầu, điều kiện về trang thiết bị trong phòng chống dịch bệnh; phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ cha mẹ/ người chăm sóc trẻ đảm bảo an toàn cho trẻ Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, đảm bảo quyền trẻ em;

Xây dựng kế hoạch phòng chống tai nạn thương tích, an ninh trật tự chi tiết phù hợp điều kiện thực tế và có tính khả thi cao.

Thường xuyên cập nhật văn bản chỉ đạo của cấp trên và thực hiện chế độ báo cáo kịp thời. Thành lập ban chỉ đạo phòng chống các dịch bệnh. Xây dựng các phương án sẵn sàng ứng phó với những diễn biến phức tạp. Phân công nhiệm vụ cụ thể tới từng thành viên trong ban chỉ đạo và triển khai thực hiện phù hợp với thực trạng, đúng thời điểm,...

Tuyên truyền để cha mẹ học sinh đưa trẻ em từ 24-36 tháng đến 5 tuổi đi tiêm vắc xin phòng bệnh theo khuyến cáo của ngành Y tế.

Bổ sung để phòng y tế có tủ thuốc và đủ dụng cụ sơ cứu ban đầu. Có đủ máy đo thân nhiệt, dung dịch sát khuẩn nhanh, khẩu trang y tế... Tổ chức Bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên trong công tác bảo đảm an toàn, phòng chống bạo lực học đường, kĩ năng về Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, tổ chức ăn bán trú, giáo dục an toàn giao thông, lồng ghép nội dung giáo dục phòng, chống tai nạn thương tích vào chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ theo hướng dẫn của Bộ GD-ĐT, Sở GD-ĐT.

Bố trí thời gian cho CBGV, nhân viên tham gia đầy đủ các lớp tập huấn chuyên môn nghiệp vụ về an toàn trường học trong các cơ sở giáo dục mầm non.

Xây dựng bộ quy tắc ứng xử theo Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT (Chương II Điều 5,6,7,9 và 10) và Thông tư 03/2026/TT-BGDĐT ngày 30/1/2026 của Bộ GD&ĐT quy định quy tắc ứng xử của nhà giáo.

Tăng cường công tác tự kiểm tra, đánh giá các tiêu chuẩn về an toàn nhằm phát hiện sớm và có biện pháp khắc phục kịp thời các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn cho trẻ, nhất là tại các nhà trường, nhóm trẻ/ lớp mẫu giáo độc lập tư thục; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hỗ trợ nhà trường trong việc thực hiện các quy định về bảo đảm an toàn cho trẻ; xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

3. Đổi mới hoạt động giáo dục, nâng cao chất lượng thực hiện chương trình giáo dục mầm non

3.1. Đổi mới hoạt động giáo dục thực hiện Chương trình GDMN và phát triển Chương trình trong nhà trường

Tạo ra một môi trường học tập và hạnh phúc cho trẻ, nơi giáo viên sáng tạo - phụ huynh đồng hành - trẻ em phát triển toàn diện. Quan điểm phát triển chương trình là: Đặt trẻ em làm trung tâm - mọi hoạt động giáo dục đều hướng đến sự phát triển toàn diện của trẻ. Chương trình phải linh hoạt, mở, sáng tạo, vừa tuân thủ khung chương trình GDMN của Bộ GD&ĐT, vừa phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đặc điểm của nhà trường. Tích hợp giá trị văn hóa truyền thống với xu hướng giáo dục hiện đại (giáo dục thông minh, STEAM, giáo dục hạnh phúc).

a. Nhiệm vụ:

100% giáo viên được tham gia góp ý, xây dựng Kế hoạch Giáo dục của nhà trường. Kế hoạch bảo đảm chất lượng, hiệu quả phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường và của trẻ theo độ tuổi.

100% nhóm/lớp thực hiện nghiêm túc chương trình GDMN theo Thông tư số số 01/VBHN-BGDĐTngày 13 tháng 4 năm 2021. Tiếp tục thực hiện chuyên đề: "Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm". Các nhóm lớp thực hiện tốt các chuyên đề phấn đấu cuối năm đạt tỷ lệ 100% trở lên khá giỏi.

Tiếp tục triển khai các mô hình, phương pháp giáo dục tiên tiến trong tổ chức thực hiện Chương trình GDMN, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tiễn, văn hoá địa phương, phù hợp nhu cầu và khả năng của trẻ 100% nhóm/lớp Mẫu giáo ứng dụng phương pháp Montessori, STEAM vào trong chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ.

100% giáo viên chủ động xây dựng mục tiêu đánh giá trẻ và kế hoạch hoạt động tháng, tuần, ngày theo chương trình GDMN sửa đổi phù hợp với điều kiện nhà trường và phát huy tối đa khả năng của trẻ. Cuối năm chất lượng các hoạt động đạt 100%.

100% CBGV khai thác sử dụng tài liệu, học liệu trực tuyến; ứng dụng các phương tiện, kĩ thuật, công nghệ để tổ chức tốt các hoạt động giáo dục cho trẻ. Tổ chức tốt các hoạt động giáo dục phát triển năng khiếu phù hợp với điều kiện của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Đẩy mạnh việc phối hợp với cha mẹ và cộng đồng trong việc đảm bảo điều kiện thực hiện chế độ sinh hoạt cho trẻ trong triển khai chương trình GDMN.

b. Giải pháp:

Hiệu trưởng nhà trường tổ chức cho CBQL, giáo viên, nhân viên tham gia xây dựng kế hoạch phát triển chương trình Giáo dục và thực hiện chuyên môn của năm học 2026-2027 sau khi phê duyệt kế hoạch, triển khai thực hiện kế hoạch tới 100% giáo viên, nhân viên trong toàn trường

Tăng cường và ứng dụng sâu hơn các phương pháp giáo dục mới như STEAM và Montessori trong hoạt động giáo dục trẻ tại nhà trường. Liên kết với các giáo viên có trình độ chuyên môn đảm bảo và gia đình của trẻ em để tổ chức các hoạt động giáo dục phát triển năng khiếu phù hợp với điều kiện của nhà trường theo quy định của pháp luật.

Ban hành hướng dẫn thực hiện chuyên môn trường mầm non Thống Nhất năm học 2026-2027. Nhà trường xây dựng kế hoạch, tổ chức tập huấn, hướng dẫn triển

khai thực hiện Chương trình GDMN mới theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ GD-ĐT, Sở GD-ĐT; đối với 100% cán bộ, giáo viên.

Thiết kế và tổ chức nội dung lập kế hoạch năm học – chủ đề – tuần theo hướng mở. Các tổ chuyên môn thường xuyên trao đổi nắm bắt kịp thời những điểm mới của chương trình, triển khai kịp thời từng khối, lớp.

Bố trí giáo viên dự lớp tập huấn do Sở GD-ĐT mở ngay từ đầu năm học, có kế hoạch triển khai bồi dưỡng đến 100% giáo viên.

Bồi dưỡng kỹ năng thực hành nghiệp vụ sư phạm dưới nhiều hình thức để tất cả giáo viên nắm vững chương trình GDMN, biết chủ động trong việc lựa chọn nội dung, hình thức, môi trường và xây dựng kế hoạch phù hợp với khả năng của trẻ, của lớp mình.

Tích cực nghiên cứu, học hỏi, về các phương pháp tiên tiến như Montessori, giáo dục STEAM…: Khuyến khích và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên có trình độ năng lực tham gia học tập phương pháp giáo dục tiên tiến nhằm tiếp cận và vận dụng vào thực tế; áp dụng để nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ.

Liên kết tổ chức, phối hợp dạy tiếng Anh cho trẻ khi phụ huynh có nhu cầu; áp dụng có hiệu quả phương pháp giáo dục STEAM vào công tác chăm sóc, giáo dục trẻ Tham mưu với cấp trên đầu tư mua sắm đủ tài liệu, học liệu, đồ dùng, đồ chơi cho cô và trẻ theo quy định của Bộ GD-ĐT.

Giáo viên soạn bài đầy đủ trước 2 tuần và thực hiện việc ghi nhật ký hàng ngày, việc theo dõi đánh giá trẻ thường xuyên (Duyệt kế hoạch trước 1 tuần). Triển khai việc duyệt kế hoạch trên app Vnedu.

3.1.2. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao chất lượng thực hiện Chương trình GDMN.

a. Nhiệm vụ:

Nhà trường phấn đấu tham gia đầy đủ và đạt kết quả cao các hội thi do ngành tổ chức.

100% các lớp tham dự hội thi "Xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm"

100% các nhóm/ lớp thực hành "Thiết kế đồ dùng đồ chơi tự tạo, trang trí nhóm lớp" vào đầu năm học.

100% trẻ được trang bị kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu phát triển tình cảm và kỹ năng giao tiếp xã hội. Trẻ có tâm thế trong hoạt động học, hoạt động chơi tập

thể, biểu lộ tính hồn nhiên, tự tin hành vi văn minh. Trẻ được phát huy tính tích cực chủ động và sáng tạo trong các hoạt động.

100% trẻ khối 4, 5 tuổi được tham gia tham gia hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm, các hội thi, các món ăn, các lễ hội truyền thống.... theo phương châm "Học thông qua vui chơi trải nghiệm".

90% - 100% GV tham gia hội giảng cấp trường năm học 2026-2027 (Trong đó 100 % đạt khá, giỏi, xuất sắc).

Phấn đấu có từ 7-10 sáng kiến kinh nghiệm dự thi các cấp.

95%->100% giáo viên hoàn thành công tác Bồi dưỡng thường xuyên đạt loại Khá - Giỏi.

Lồng ghép, tích hợp, phát triển các nội dung giáo dục trong thực hiện Chương trình GDMN: giáo dục dinh dưỡng kết hợp vận động nhằm phát triển thể chất cân đối cho trẻ em, giáo dục quyền con người, giáo dục giới; an toàn giao thông; tình cảm kĩ năng xã hội; kỹ năng bảo vệ bản thân; bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu, giáo dục nếp sống văn minh lịch sự…

b. Giải pháp:

Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động thực hành "Xây dựng môi trường lấy trẻ làm trung tâm"; "Thiết kế đồ dùng đồ chơi tự tạo, trang trí nhóm lớp"…Chuẩn bị tốt mọi điều kiện tham gia các hội thi do ngành tổ chức.

Tổ chức đăng ký đề tài Sáng kiến kinh nghiệm (SKKN) ngay từ đầu năm học và tập huấn triển khai viết SKKN, đề tài khoa học theo đúng mẫu quy định.

Thành lập chỉ đạo, Ban giám khảo Hội giảng cấp trường và dự trù kinh phí đề ra mức thưởng công khai cho những giáo viên có tiết dạy tốt.

Ban giám hiệu xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa, ngày lễ hội. Phối kết hợp với phụ huynh chuẩn bị tốt mọi điều kiện tổ chức cho trẻ đi tham quan dã ngoại tại các điểm tham quan.

Nhà trường xây dựng kế hoạch BDTX giáo viên theo hướng dẫn của Sở GD-ĐT. Tổ chức cho giáo viên đăng ký các nội dung modul tự chọn. Qua trình bồi dưỡng tổ chức kiểm tra, đánh giá giáo viên theo từng nội dung và đúng hướng dẫn của cấp trên.

Tuyên truyền tới phụ huynh về chương trình GDMN mới thông qua buổi họp phụ huynh đầu năm học và góc tuyên truyền các lớp.

3.1.3. Nghiên cứu, triển khai thí điểm thực hiện Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT và các văn bản Bộ GDĐT đã ban hành về việc cho trẻ mẫu giáo làm quen với tiếng Anh ở nơi có điều kiện đảm bảo đúng quy định.

a. Nhiệm vụ

Ban giám hiệu nhà trường nghiên cứu, cập nhật Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ GDĐT ban hành chương trình làm quen với tiếng Anh dành cho trẻ em mẫu giáo và thực hiện nghiêm túc công văn số 2387/BGDĐT-GDMN ngày 09/6/2021 của Bộ GDĐT về việc triển khai thực hiện chương trình GDMN sau sửa đổi, bổ sung và chương trình làm quen tiếng Anh dành cho trẻ mẫu giáo.

Nhà trường xây dựng kế hoạch triển khai rà soát nhu cầu của cha mẹ trẻ và điều kiện tổ chức tại trường chính, 02 phân hiệu, 02 điểm trường trước khi xác định các lớp tham gia.

100% trẻ tham gia có đăng ký tự nguyện và sự thống nhất của cha mẹ trẻ. Không giao chỉ tiêu bắt buộc về tỷ lệ trẻ đăng ký cho giáo viên hoặc từng lớp.

100% lớp được tổ chức hoạt động có người phụ trách, chương trình, tài liệu, không gian và lịch hoạt động được nhà trường kiểm tra; thực hiện đầy đủ thủ tục báo cáo, xin ý kiến hoặc phê duyệt theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Phấn đấu tổ chức hoạt động trong 35 tuần của năm học, tối thiểu 02 hoạt động/tuần, mỗi hoạt động 25-35 phút tùy độ tuổi, theo nội dung hướng dẫn địa phương đã nêu; lịch cụ thể được xác định sau khi hoàn tất điều kiện và thủ tục triển khai.

100% hoạt động được tổ chức qua trò chơi, giao tiếp, bài hát, tranh truyện và trải nghiệm phù hợp lứa tuổi; không kiểm tra, xếp hạng hoặc gây áp lực về khả năng ghi nhớ từ vựng của trẻ.

b. Biện pháp

Phó Hiệu trưởng làm đầu mối; phân công tổ chuyên môn, giáo viên chủ nhiệm, kế toán và người phụ trách từng phân hiệu phối hợp.

Thông tin cho cha mẹ trẻ mẫu giáo về mục tiêu, cách tổ chức, thời lượng và kinh phí dự kiến; lấy ý kiến và đăng ký tự nguyện. Tổng hợp riêng theo độ tuổi và địa điểm.

Kiểm tra phòng tổ chức, sức chứa, học liệu, thiết bị, lịch sinh hoạt và phương án quản lý trẻ ở trường chính, 02 phân hiệu, 02 điểm trường. Xác định nơi có thể triển khai ngay và nơi cần bổ sung điều kiện.

Nếu sử dụng nhân sự của trường, kiểm tra điều kiện chuyên môn. Nếu liên kết với đơn vị ngoài trường, yêu cầu hồ sơ về tư cách pháp lý, người dạy, chương trình, tài liệu, phương án thay thế nhân sự và trách nhiệm bảo đảm an toàn. Quan sát hoạt động minh họa trước khi quyết định.

Xây dựng kế hoạch nêu rõ lớp tham gia, số trẻ, địa điểm, lịch, nội dung theo độ tuổi, người phụ trách, cách bàn giao và giám sát trẻ. Lập dự toán, mức thu dự kiến và nội dung công khai với cha mẹ trẻ theo quy định áp dụng.

Gửi hồ sơ báo cáo, xin ý kiến hoặc phê duyệt đến cơ quan có thẩm quyền theo đúng hướng dẫn của Sở GD&ĐT và địa phương. Chỉ chốt lịch, ký kết và tổ chức sau khi hoàn thành thủ tục cần thiết.

Xếp nhóm theo độ tuổi, bố trí thời điểm không ảnh hưởng giờ ăn, ngủ và Chương trình GDMN. Giáo viên chủ nhiệm phối hợp điểm danh, bàn giao, đón trả trẻ; người dạy tổ chức qua trò chơi, giao tiếp và trải nghiệm.

Ban Giám hiệu dự hoạt động định kỳ, kiểm tra sĩ số, an toàn, nội dung, người dạy và các khoản thu; lấy phản hồi của giáo viên, cha mẹ trẻ. Điều chỉnh nhóm, lịch hoặc dừng hoạt động tại nơi không bảo đảm điều kiện.

3.2. Thực hiện các chuyên đề trọng tâm

3.2.1. Tiếp tục thực hiện chuyên đề "Xây dựng trường mầm non xanh, sạch, đẹp, an toàn, hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm".

a. Nhiệm vụ:

- 100% nhóm lớp triển khai thực hiện chuyên đề "Xây dựng trường mầm non xanh sạch, đẹp, an toàn, hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm" đạt kết quả tốt.

- 100% giáo viên nắm vững phương pháp tổ chức các hoạt động giáo dục lấy trẻ làm trung tâm và xây dựng kế hoạch hoạt động hàng ngày phù hợp với trẻ.

- 100% lớp học được trang trí phù hợp với chủ đề, không gian dành cho hoạt động chung của lớp và hoạt động theo sở thích, khả năng của nhóm nhỏ hoặc cá nhân được sắp xếp phù hợp với tính chất của các hoạt động, phù hợp với từng lứa tuổi.

- 100% các lớp có các góc hoạt động trong lớp được bố trí sắp xếp linh hoạt, hợp lý. Đồ dùng đồ chơi phong phú đa dạng, được làm từ các nguyên vật liệu tự nhiên và bày biện một cách hấp dẫn, thuận tiện, mang tính mở.

-100% trẻ thường xuyên được tham gia các hoạt động học tập ngoài trời, dã ngoại, các hoạt động tìm tòi khám phá, trải nghiệm thực hành.

- 90 % -> 100% trẻ được tham gia các hoạt động lao động, tự phục vụ.

b. Giải pháp:

- Tiếp tục chỉ đạo nhân rộng mô hình Lớp học xanh, sạch, đẹp, an toàn, hạnh phúc, lấy trẻ làm trung tâm tại 100% nhóm lớp.

- Xây dựng kế hoạch năm học 2026-2027 trên cơ sở kết quả thực hiện chuyên đề giai đoạn trước và chỉ đạo, hướng dẫn của Sở GD-ĐT. Kế hoạch thể hiện rõ nội dung: các điều kiện để thực hiện chuyên đề bao gồm các điều kiện về xây dựng môi trường trong và ngoài lớp học, cơ sở vật chất và đội ngũ giáo viên, công tác bồi dưỡng cho đội ngũ giáo viên, công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức…

- Cử giáo viên đi học lớp bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về chuyên đề xây dựng trường học lấy trẻ làm trung tâm, các chuyên đề giáo dục.

- Tổ chức các cuộc thi về trang trí nhóm lớp, xây dựng các tiết dạy mẫu cho giáo viên dự giờ, rút kinh nghiệm.

- Tổ chức các cuộc thi làm đồ dùng đồ chơi từ nguyên liệu tự nhiên sẵn có để bổ sung vào các góc hoạt động.

- Tổ chức các hoạt động tham quan dã ngoại và các hoạt động thực hành trải nghiệm thực tế cho trẻ. Tạo điều kiện cho trẻ tham gia các hoạt động tập thể, cá nhân ngoài trời, tận dụng và phát huy tối đa hiệu quả của các khu vực vui trên sân trường.

- Đầu tư mua sắm đồ dùng dạy học phục vụ cho việc thực hiện các chuyên đề, thực hiện ứng dụng các phương pháp tiên tiến trên thế giới như Montessori và STEAM.

- Mời chuyên gia về tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn cho giáo viên về ứng dụng các phương pháp như Montessori và STEAM vào trong tổ chức hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Chú trọng công tác kiểm tra ở các nhóm lớp.

- Tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm sau khi thực hiện chuyên đề.

3.2.2. Triển khai chuyên đề trọng tâm năm học

Xây dựng kế hoạch thực hiện chuyên đề "Tăng cường giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương"

a. Chỉ tiêu

Ban hành kế hoạch thực hiện chuyên đề "Tăng cường giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương" trong năm học 2026–2027, phù hợp điều kiện của trường chính, các phân hiệu và điểm trường.

100% tổ chuyên môn lựa chọn nội dung văn hóa địa phương phù hợp với độ tuổi để đưa vào kế hoạch giáo dục; mỗi tổ có ít nhất 01 hoạt động minh họa, chia sẻ kinh nghiệm trong năm học.

Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Văn hóa Việt Nam gắn với chuyên đề "Tăng cường giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương".

100% nhóm, lớp lựa chọn ít nhất 01 hoạt động trải nghiệm phù hợp độ tuổi; trường chính và các phân hiệu tổ chức hoạt động chung theo điều kiện thực tế, bảo đảm trẻ tại các điểm trường cũng được tham gia.

Hoạt động trải nghiệm bảo đảm an toàn, gần gũi với trẻ, không gây áp lực về sản phẩm hoặc huy động kinh phí quá mức.

b. Biện pháp

Hiệu trưởng phân công phó hiệu trưởng chuyên môn phối hợp cùng các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch; Các tổ chuyên môn thiết kế hoạt động cho trẻ trải nghiệm văn hóa Việt Nam và nét văn hóa Thành Nam qua trò chơi dân gian, âm nhạc, trang phục, góc chợ quê, nghề truyền thống, kể chuyện hoặc tạo hình...

Tổ chức cho trẻ khám phá qua kể chuyện, âm nhạc, tạo hình, góc chơi, giao lưu với người am hiểu văn hóa địa phương và trải nghiệm tại trường. Hoạt động ngoài trường chỉ thực hiện khi có phương án an toàn và sự phối hợp của cha mẹ trẻ.

Giáo viên tổ chức cho trẻ quan sát, thao tác, đặt câu hỏi và chia sẻ điều mình khám phá; có thể lồng ghép thử làm đồ chơi, dựng mô hình từ vật liệu an toàn theo cách tiếp cận STEAM.

Dự giờ hoạt động minh họa, trao đổi về mức độ hứng thú và sự tham gia của trẻ; chọn học liệu, cách tổ chức hiệu quả để chia sẻ giữa các địa điểm.

3.2.3. **Tăng cường giáo dục trải nghiệm gắn với văn hóa địa phương và**

ứng dụng STEM/STEAM

Thực hiện thông qua kế hoạch giáo dục và sinh hoạt hằng ngày và trong chủ đề "Quê hương – Đất nước – Bác Hồ" của trẻ, đồng thời gắn với chuyên đề "Tăng cường giáo dục trẻ khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương" đã xác định trong kế hoạch năm học.

a. Nhiệm vụ

100% tổ chuyên môn lựa chọn nội dung về văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và đời sống địa phương phù hợp với độ tuổi để đưa vào kế hoạch giáo dục.

100% nhóm, lớp có hoạt động cho trẻ quan sát, khám phá, thực hành hoặc thử nghiệm với sự vật, tình huống gần gũi; mức độ tham gia được điều chỉnh theo khả năng của trẻ.

Mỗi tổ chuyên môn thực hiện ít nhất 01 hoạt động minh họa trong mỗi học kỳ kết hợp trải nghiệm địa phương với cách tổ chức cho trẻ đặt câu hỏi, thử cách làm và chia sẻ kết quả.

Tăng cường tổ chức các hoạt động trải nghiệm gắn với văn hóa địa phương và ứng dụng STEM/STEAM ngoài khuôn viên trường.

100% trẻ được tham gia tham gia hoạt động ngoại khóa, hoạt động trải nghiệm, các hội thi, các món ăn, các lễ hội truyền thống.... theo phương châm "Học thông qua vui chơi trải nghiệm".

b. Biện pháp

Lập danh mục nội dung địa phương có thể đưa vào giáo dục. Phó Hiệu trưởng chuyên môn cùng các tổ chọn lọc trò chơi dân gian, nghề và sản phẩm truyền thống, nét sinh hoạt văn hóa Việt Nam, cây xanh, cảnh quan, chợ, công trình và những hoạt động đời sống xung quanh.

Xây dựng kế hoạch chuyên đề và phân công nhiệm vụ cụ thể. Xác định nội dung trọng tâm từng học kỳ, tổ phụ trách hoạt động minh họa, người hỗ trợ tại trường chính và các phân hiệu, điểm trường. Tận dụng sân, vườn, góc chơi và điều kiện thực tế của từng nơi tổ chức khu trải nghiệm.

Tổ chức trải nghiệm tại trường và mời cha mẹ trẻ hoặc người am hiểu nghề, văn hóa địa phương giao lưu; tổ chức góc chơi, trưng bày vật thật, kể chuyện, âm nhạc và trò chơi.

Tổ chức các hoạt động tham quan trải nghiệm tại bảo tàng Nam Định, đền trần, chùa tháp...

3.2.4. Tăng cường giáo dục giá trị, đạo đức, lối sống và kỹ năng sống

a. Nhiệm vụ

100% nhóm, lớp tích hợp giáo dục tình yêu thương, sự tôn trọng, trách nhiệm, văn hóa và nghệ thuật trong hoạt động hằng ngày; lựa chọn nội dung phù hợp độ tuổi, gần gũi với gia đình và quê hương.

100% trẻ được tạo cơ hội thực hành kỹ năng tự phục vụ, giao tiếp, chia sẻ, hợp tác và giữ gìn vệ sinh; được hỗ trợ theo khả năng cá nhân, không so sánh hoặc áp đặt mức đạt giống nhau.

100% hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống được xác định trong kế hoạch giáo dục nhà trường hoặc nhóm, lớp; có mục tiêu, nội dung, người phụ trách và điều kiện bảo đảm an toàn trước khi tổ chức.

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được quán triệt quy tắc ứng xử, trách nhiệm nghề nghiệp; cam kết thực hiện giao tiếp tôn trọng, không xúc phạm, đe dọa, phân biệt đối xử hoặc gây tổn thương trẻ.

100% nhóm, lớp theo dõi sự tiến bộ về hành vi, kỹ năng của trẻ; trao đổi với cha mẹ trẻ những nội dung cần phối hợp rèn luyện.

b. Biện pháp

Giáo viên lựa chọn nội dung lồng ghép trong kế hoạch chủ đề, tháng, tuần; tổ chức cho trẻ thực hành thông qua giờ đón, trả trẻ, hoạt động học, vui chơi, ngoài trời, ăn, ngủ và vệ sinh. Tận dụng tình huống thực tế để rèn thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, tự phục vụ, chia sẻ, hợp tác, yêu thương và tôn trọng người khác; thường xuyên quan sát, điều chỉnh cách hỗ trợ và phối hợp với cha mẹ trẻ để củng cố thói quen tại nhà.

Sử dụng truyện, thơ, bài hát, trò chơi dân gian và hoạt động tạo hình phù hợp để trẻ thể hiện tình cảm với người thân, thầy cô, bạn bè; biết giữ gìn cảnh quan, trân trọng nét văn hóa Thành Nam. Tổ chức việc làm vừa sức như chăm sóc cây, giữ sạch lớp, làm món quà tặng người thân; không biến nội dung thành bài giảng hoặc yêu cầu trẻ ghi nhớ khẩu hiệu.

Ban Giám hiệu duyệt các hoạt động thuộc phạm vi phải phê duyệt; kiểm tra địa điểm, nhân sự, phương tiện và phương án xử lý tình huống.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thống nhất cách giao tiếp lịch sự, giữ lời hứa, nhận lỗi và giải quyết công việc có trách nhiệm. Gắn việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh với những việc cụ thể: tận tâm chăm sóc trẻ, tiết kiệm vật tư, công bằng trong ứng xử và hỗ trợ đồng nghiệp.

Trao đổi với cha mẹ trẻ về cách rèn kỹ năng thống nhất ở trường và ở nhà; phản hồi riêng khi trẻ gặp khó khăn, không phê bình trẻ trên nhóm chung.

3.2.5. Chuẩn bị cho trẻ em 5 tuổi sẵn sàng vào lớp.

a. Nhiệm vụ:

100% giáo viên 5 tuổi không dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ dưới mọi hình thức.

100% trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình GDMN đáp ứng các yêu cầu khi vào lớp 1.

100% trẻ được theo dõi đánh giá sự phát triển thường xuyên. 100% trẻ 5 tuổi tự tin vững bước vào lớp 1

100% cha mẹ được tuyên truyền, hướng dẫn rèn cho trẻ thói quen và một số kỹ năng cần thiết: Kỹ năng khi ăn, vệ sinh, tự phục vụ, kỹ năng nhận biết và xử lý tình huống, tránh nơi nguy hiểm, kỹ năng an toàn tự bảo vệ bản thân Cha mẹ trẻ hiểu được tầm quan trọng của chuẩn bị tâm thế, thể chất, ngôn ngữ, kiến thức, tình cảm kỹ năng xã hội...cho trẻ sẵn sàng vào lớp 1.

b. Giải pháp:

Tổ chức cho giáo viên ký cam kết không dạy trước chương trình lớp 1 cho trẻ.

Tuyên truyền, hướng dẫn phụ huynh trong toàn trường về các nội dung cần chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 thông qua các cuộc họp phụ huynh đầu năm học, góc tuyên truyền nhóm lớp, website, fanpage của nhà trường. Cung cấp tài liệu cho cha mẹ như: "Cẩm nang hướng dẫn cha mẹ chăm sóc vui chơi cùng con", "Hướng dẫn chuẩn bị cho trẻ 5 tuổi vào lớp 1", video "Hướng dẫn cha mẹ vui chơi cùng con", Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi để nắm các yêu cầu cần đạt của trẻ 5 tuổi trước khi vào trường tiểu học.

Tổ chức Cho trẻ các hoạt động trải nghiệm làm quen môi trường lớp 1 như: dạy trẻ kĩ năng tự phục vụ như ăn cơm khay, chải tóc, vệ sinh cá nhân…Tham quan trưởng tiểu học.

3.3. Mục tiêu, dự kiến chủ đề, sự kiện, nội dung hoạt động các độ tuổi

(theo Phụ lục đính kèm)

4. Ứng dụng CNTT và Chuyển đổi số trong quản lý chuyên môn

a. Nhiệm vụ:

100% giáo viên sử dụng biểu mẫu thống nhất và cập nhật kế hoạch, dữ liệu đúng phân quyền; phấn đấu 70% giáo viên chia sẻ, khai thác học liệu số.

100% CBQL và GV sử dụng phần mềm Vnedu để soạn và duyệt kế hoạch

100% tổ chuyên môn sử dụng công cụ số phù hợp trong xây dựng, lưu trữ và chia sẻ kế hoạch, tài liệu; bảo đảm an toàn thông tin trẻ em.

100% giáo viên sử dụng thành thạo phần mềm quản trị nhà trường Vnedu để quản lý trẻ, hố sơ kế hoạch nhóm lớp

b. Giải pháp:

Thống nhất mã lớp, tên địa điểm, lịch duyệt kế hoạch, hồ sơ trên VNEDU và cơ sở dữ liệu ngành; đối chiếu số liệu giữa các địa điểm, xử lý trùng thiếu sau sáp nhập.

Khai thác hiệu quả các nền tảng quản lý hiện có; hạn chế yêu cầu giáo viên nhập lại cùng một thông tin trên nhiều hệ thống.

Hướng dẫn giáo viên sử dụng công nghệ và trí tuệ nhân tạo AI để hỗ trợ thiết kế hoạt động, học liệu, tổng hợp dữ liệu; kiểm tra nội dung trước khi sử dụng.

Tổ trưởng chuyên môn tổ chức sinh hoạt chung theo khối và trao đổi trực tuyến khi phù hợp; Phó Hiệu trưởng phụ trách từng địa điểm giám sát tại chỗ và báo cáo chung.

Bồi dưỡng năng lực số, khai thác AI có kiểm chứng; không nhập dữ liệu cá nhân nhạy cảm của trẻ lên công cụ không được phép; lưu trữ, sao lưu và phân quyền hồ sơ.

5. Tổ chức hiệu quả hội thi, hoạt động chuyên môn cấp trường

Xây dựng kế hoạch tham gia Hội thi Giáo viên dạy giỏi cơ sở GDMN cấp tỉnh, năm học 2026–2027

a. Chỉ tiêu

- Ban hành kế hoạch chuẩn bị và tham gia hội thi sau khi có hướng dẫn, thể lệ chính thức của Sở GD&ĐT; xác định rõ điều kiện, đối tượng, thời gian và trách nhiệm hỗ trợ.

- Tổ chức Hội thi Giáo viên dạy giỏi cấp trường trước thời điểm tham gia hội

thi cấp tỉnh. Lựa chọn giáo viên đủ điều kiện, có nguyện vọng tham gia hội thi cấp tỉnh theo thể lệ và số lượng được giao.

- Rà soát giáo viên đủ điều kiện, có nguyện vọng tham gia; cử giáo viên dự thi theo số lượng và quy trình được giao.

- Giáo viên tham gia được hỗ trợ về chuyên môn, học liệu và điều kiện thực hiện; không gây áp lực hoặc làm ảnh hưởng đến hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ tại lớp.

b. Biện pháp

- Theo dõi văn bản tổ chức hội thi của Sở GD&ĐT; đối chiếu thể lệ để xây dựng kế hoạch, lựa chọn và hoàn thiện hồ sơ dự thi đúng quy định.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch và tổ chức hội thi cấp trường theo quy định; thông báo tiêu chí, lịch thi để giáo viên chủ động đăng ký và chuẩn bị. Ban Giám khảo đánh giá công khai, khách quan, góp ý cụ thể sau mỗi nội dung thi. Trên cơ sở kết quả hội thi cấp trường và điều kiện theo thể lệ cấp tỉnh, nhà trường lựa chọn, bồi dưỡng giáo viên tham gia hội thi cấp tỉnh; bố trí người hỗ trợ lớp trong thời gian giáo viên dự thi.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn, góp ý biện pháp nâng cao chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ và hoạt động giáo dục của giáo viên trên cơ sở thực tiễn lớp học; khuyến khích thể hiện năng lực sư phạm thực chất, không dàn dựng hoạt động.

- Phân công Ban Giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn và giáo viên có kinh nghiệm hỗ trợ người dự thi; bố trí công việc hợp lý, bảo đảm việc chăm sóc trẻ trong thời gian giáo viên tham gia hội thi.

- Sau hội thi, tổ chức chia sẻ kinh nghiệm có thể áp dụng tại các nhóm, lớp trong toàn trường.

6. Công tác tuyên truyền, phối kết hợp với các bậc phụ huynh trong việc NDCSGD trẻ

a. Nhiệm vụ:

Tổ chức họp phụ huynh thống nhất các nội dung nhà trường, lớp thực hiện trong năm học. Kết hợp tuyên truyền kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ theo khoa học, về đường lối, chủ trường của nhà trường.

100% các nhóm lớp có góc tuyên truyền và thay đổi nội dung theo từng chủ đề.

Tổ chức tuyên truyền tại hệ thống bảng điện tử Led 2 và bảng khẩu hiệu tuyên truyền tại cổng trường ở các cơ sở.

100% phụ huynh được tuyên truyền về đường lối chính sách và chủ trương của Đảng và nhà nước, về vai trò vị trí giáo dục mầm non, kết quả thực hiện nhiệm vụ nâng cao chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ, kiến thức nuôi dạy trẻ theo khoa học, chương trình GDMN của Bộ GD-ĐT, Chương trình Montessori và STEAM... Thường xuyên cập nhật thông tin hoạt động của nhà trường trên trang website và fanpage của nhà trường. Tăng cường các hoạt động phối hợp cùng phụ huynh trên nền tảng Vnedu và Zalo nhóm lớp.

b. Giải pháp:

Tăng cường công tác bồi dưỡng cho giáo viên kiến thức và kỹ năng tuyên truyền. Đa dạng hoá hình thức tuyên truyền kiến thức chăm sóc giáo dục trẻ cho các bậc cha mẹ như: Loa đài của trường, qua góc tuyên truyền chung của trường, của lớp, qua buổi họp phụ huynh và trao đổi qua giờ đón trả trẻ, qua nhóm zalo, facebook, website…

Nâng cao chất lượng các góc tuyên truyền tại các nhóm lớp, phong phú về nội dung.

Thường xuyên đôn đốc, đánh giá, chấm điểm góc tuyên truyền của các lớp Kết hợp với phụ nữ, y tế và đoàn thành niên của phường để tuyên truyền qua các buổi sinh hoạt, tiêm chủng,...

Tổ chức tốt các ngày lễ, ngày hội, các hoạt động trải nghiệm,… mời phụ huynh tham dự. Đưa hoạt động của hội cha mẹ học sinh kết hợp với nhà trường một cách thường xuyên có hiệu quả.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Đối với Ban giám hiệu

a. Hiệu trưởng – Vũ Thị Thu Thủy

Phụ trách chung các trụ sở chính, phân hiệu và điểm trường

Chịu trách nhiệm điều hành, tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động của nhà trường.

Chỉ đạo tổ chức, quản lý toàn bộ hoạt động và chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện

kế hoạch giáo dục từng năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước các cấp có thẩm quyền.

Xây dựng, tổ chức bộ máy nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, hội đồng Thi đua - Khen thưởng, hội đồng kỷ luật và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó;

Thực hiện các nhiệm vụ quản lý phó hiệu trưởng, giáo viên, nhân viên; thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ quản lý theo quy định; xây dựng kế hoạch phát triển năng lực nghề nghiệp cho giáo viên, nhân viên;

Quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường.

Tiếp nhận trẻ em, quản lý trẻ em và tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của nhà trường; quyết định khen thưởng.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục; phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục.

b. Phó hiệu trưởng – Đỗ Thị Thu Quyên

Phụ trách các nhiệm vụ do Hiệu trưởng giao tại trụ sở chính và điểm trường 1.

Phụ trách tham mưu xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và báo cáo thực hiện

Phụ trách công tác thực hiện công khai trong nhà trường

Phụ trách việc thực hiện các quy chế, nội quy, quy tắc ứng xử và nền nếp chuyên môn nhà trường

Phụ trách công tác quản lý về cơ sở vật chất, tài sản, thiết bị, đồ chơi

Phụ trách công tác Ứng dụng CNTT và CĐS và truyền thông

Phụ trách công tác Thi đua, khen thưởng

Phụ trách công tác Đánh giá xếp loại viên chức

Phụ trách công tác Đánh giá chuẩn nghề nghiệp CBQL, GV

Phụ trách công tác Kiểm tra, quản lý hồ sơ cá nhân giáo viên, NV

Phụ trách công tác SKKN

c. Phó hiệu trưởng – Trần Thị Thanh Huyền

Trực tiếp phụ trách Phân hiệu số 1.

Phụ trách công tác Phổ cập

Phụ trách công tác quản lý các nhóm trẻ tư thục

Phụ trách chung toàn trường về y tế trường học, chăm sóc sức khỏe trẻ

Phụ trách công tác xây dựng trường học Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn – Hạnh phúc

Phụ trách công tác an toàn trường học, phòng chống tai nạn thương tích, bạo hành trẻ em

Phụ trách quản lý chuyên môn, kế hoạch giáo dục

Phụ trách công tác tuyển sinh

Phụ trách quản lý trẻ em, chế độ chính sách đối với trẻ. Quản lý trẻ khuyết tật, giáo dục hòa nhập

d. Phó hiệu trưởng – Trần Thị Thời

Trực tiếp phụ trách Phân hiệu số 2 và Điểm trường số 2 thuộc Phân hiệu số 2.

Phụ trách công tác Đảng

Phụ trách Quản lý nuôi dưỡng, bán trú an toàn thực phẩm.

Phụ trách công tác Kiểm định chất lượng, trường chuẩn quốc gia

Phụ trách công tác kiểm tra nội bộ

Phụ trách công tác thực hiện dân chủ trong nhà trường

Phụ trách công tác tiếp công dân , giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị

Phụ trách các chuyên đề, hội thi, phong trào thi đua.

Phụ trách công tác BDTX

2. Các tổ chuyên môn

2.1. Tổ mẫu giáo

- Đ/c Mai Thị Kim Ngân – TTCM: Phụ trách chuyên môn khối 5 tuổi
- Đ/c Trần Thị Huế – TPCM: Phụ trách chuyên môn khối 5 tuổi
- Đ/c Đoàn Thị Minh Thảo – TTCM: Phụ trách khối 4 tuổi
- Đ/c Trần Thị Lệ – TPCM: Phụ trách khối 4 tuổi
- Đ/c Bùi Thị Na– TTCM: Phụ trách khối 3 tuổi
- Đ/c Trần Thị Thu Hoài – TPCM: Phụ trách khối 3 tuổi

2.2. Tổ nhà trẻ

- Đ/c: – TTCM: Phụ trách khối nhà trẻ + DD
- Đ/c Lâm Thị Hương Lan – TPCM: Phụ trách khối nhà trẻ + DD

2.3. Tổ Dinh dưỡng

- Đ/c Nguyễn Thị Vân: Bếp trưởng
- Đ/c Đỗ Thị Thúy Nga: Bếp phó ĐT1
- Đ/c Trần Thị Vy: Bếp phó PH1
- Đ/c Trần Thị Thu: Bếp phó PH2
- Đ/c Bùi Thị Phương: Bếp phó ĐT2

2.4. Nhiệm vụ của tổ trưởng – tổ phó chuyên môn

**** Tổ trưởng chuyên môn***

Chịu trách nhiệm trước BGH về những nhiệm vụ được phân công phụ trách.

+ Xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn của tổ trong năm học và từng tháng nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc GD

+ Kiểm tra hồ sơ chuyên môn, đánh giá chất lượng giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường.

+ Thường xuyên quan tâm đến chất lượng trẻ và giáo viên của tổ. Tham mưu, đề xuất ý kiến với lãnh đạo nhà trường về công tác này.

+ Trực tiếp quản lý các loại hồ sơ sổ sách: Kế hoạch tổ; Sổ công tác tổ chuyên môn (có thể chung sổ công tác cá nhân); Các biên bản của tổ.

+ Đề xuất với HT để phân công giáo viên có năng lực tham gia một số hoạt động của nhà trường.

+ Tổ chức sinh hoạt chuyên môn ít nhất 2 lần/tháng và các sinh hoạt khác khi có nhu cầu công việc. Chủ trì các buổi tổ chức hội giảng, triển khai các chuyên đề bồi dưỡng chuyên môn của tổ.

+ Chủ trì tổ chức đánh giá, xếp loại giáo viên của tổ theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên mầm non.

+ Thực hiện các báo cáo thống kê, sơ kết, tổng kết về công tác chuyên môn của tổ.

+ Chủ động giải quyết các thắc mắc, kiến nghị của các thành viên trong tổ, nếu vượt ngoài thẩm quyền thì đề nghị Hiệu trưởng giải quyết.

+ Chỉ đạo tổ chăm sóc hệ thống cây xanh, cây cảnh của khu vực được phân công đảm bảo xanh tốt và mỹ quan.

+ Tham gia đề xuất ý kiến với trường về thực hiện các chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật giáo viên - viên chức.

+ Hỗ trợ công tác phổ cập, cơ sở vật chất, công nghệ thông tin, giao nhận thực phẩm và các nhiệm vụ khác khi được phân công.

**** Tổ phó chuyên môn***

+ Chịu trách nhiệm trước BGH, tổ trưởng chuyên môn về những nhiệm vụ được phân công phụ trách theo khối chuyên môn.

+ Cùng với tổ trưởng chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động chuyên môn của tổ trong năm học và từng tháng nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục.

+ Kiểm tra hồ sơ chuyên môn, đánh giá chất lượng giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách thiết bị của các thành viên trong khối theo kế hoạch của nhà trường.

+ Thường xuyên quan tâm đến chất lượng trẻ và giáo viên của tổ. Tham mưu, đề xuất ý kiến với lãnh đạo nhà trường về công tác này.

+ Trực tiếp quản lý các loại hồ sơ sổ sách: Kế hoạch tổ; sổ sinh hoạt chuyên môn

+ Đề xuất với HT để phân công giáo viên có năng lực tham gia một số hoạt động của nhà trường.

+ Chủ động đề xuất với tổ trưởng, PHT giải quyết kiến nghị của các thành viên trong khối, nếu vượt ngoài thẩm quyền thì đề nghị Hiệu trưởng giải quyết.

+ Tham gia đề xuất ý kiến với trường về thực hiện các chế độ, chính sách, khen thưởng, kỷ luật giáo viên - viên chức.

3. Giáo viên

- Đầy đủ hồ sơ sổ sách chăm sóc giáo dục trẻ
- Thực hiện nhiệm vụ chăm sóc giáo dục trẻ và đảm bảo tuyệt đối an toàn của trẻ.
- Điều tra phổ cập
- Tham gia các hoạt động của nhà trường
- Thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hiệu trưởng nhà trường.

4. Nhân viên Dinh dưỡng

- Đảm bảo an toàn cho trẻ trong ăn uống và sinh hoạt tại nhà trường, tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm trong chế biến ăn uống cho trẻ, không để xảy ra ngộ độc thức ăn đối với trẻ.

- Nấu ăn cho trẻ đúng thực đơn, đúng định lượng.

- Đảm bảo vệ sinh ATTP, VS khu dinh dưỡng

- Ghi chép đúng và đầy đủ hồ sơ sổ sách nuôi dưỡng chăm sóc trẻ

- Thực hiện quy chế chuyên môn nghề nghiệp và chấp hành nội quy của nhà trường.

- Thực hiện theo sư phân công của Hiệu trưởng nhà trường

IV. LỊCH TRÌNH CÔNG TÁC THÁNG

Tháng	**Nội dung công việc**	**Chủ trì**	**Phối hợp**	**Điều chỉnh, bổ sung**
08/2026	Lên kế hoạch thực hiện công tác Phổ cập XMC Rà soát CSVC, bếp ăn, phòng học và nguy cơ mất an toàn tại 5 địa điểm	BGH	Tổ trưởng, GV, NV	
	Rà soát, thống nhất phân công giáo viên và nhân viên sau sáp nhập	BGH	Tổ trưởng, GV, NV	
	Hoàn thiện khung chương trình, kế hoạch giáo dục các độ tuổi	BGH	Tổ trưởng, GV, NV	
	Kiểm tra môi trường giáo dục, trang trí lớp, đồ dùng đồ chơi tự tạo Khuyến khích GV xây dựng môi trường trong và ngoài lớp, trong đó chú trọng góc STEAM Đăng kí mua tài liệu sách vở	BGH	Tổ trưởng, GV, NV	

	Bồi dưỡng, thống nhất quy trình xây dựng và duyệt kế hoạch trên VNEDU. Tham gia lớp BD chính trị và chuyên môn cho CBGV hè chuyên đề do Sở GD&ĐT tổ chức. Làm tốt công tác tuyên truyền phòng chống dịch bệnh	BGH	Tổ trưởng, GV, NV	
09/2026	Ổn định nền nếp đón trả trẻ, chế độ sinh hoạt và bán trú Lấy ý kiến các tổ chuyên môn và GV để xây dựng dự thảo kế hoạch giáo dục, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học. Tổ chức thực hiện hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ theo chương trình GDMN;	PHT phụ trách cơ sở	Tổ trưởng, GVCN, y tế, tổ nuôi	
	Đối chiếu sĩ số, mã lớp và cơ sở dữ liệu ngành sau sáp nhập Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ của Sở GD – ĐT để hoàn thiện kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026.	PHT phụ trách cơ sở	Tổ trưởng, GVCN, y tế, tổ nuôi	
	Cân đo, đánh giá dinh dưỡng đầu năm; lập hồ sơ sức khỏe	PHT phụ trách cơ sở	Tổ trưởng, GVCN, y tế, tổ nuôi	
	Kiện toàn các ban/tổ giám sát an toàn, ATTP và y tế trường học	PHT phụ trách cơ sở	Tổ trưởng, GVCN, y tế, tổ nuôi	

	Họp cha mẹ trẻ, công khai thực đơn, nhà cung cấp, phương án phối hợp Công khai kế hoạch tổ chức các ngày lễ hội năm học 2026-2027	PHT phụ trách cơ sở	Tổ trưởng, GVCN, y tế, tổ nuôi	
	Rà soát nhu cầu và điều kiện làm quen tiếng Anh tự nguyện	PHT phụ trách cơ sở	Tổ trưởng, GVCN, y tế, tổ nuôi	
10/2026	Tổ chức hội nghị CC,VC, NLĐ theo hướng dẫn Tổ chức cho CBGV, NV kí cam kết thi đua và đăng kí SKKN	PHT chuyên môn	PHT cơ sở, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	
	Triển khai kế hoạch chuyên đề khám phá, trải nghiệm văn hóa địa phương.	PHT chuyên môn	PHT cơ sở, tổ trưởng, GV	
	Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên GV GV đăng kí các nội dung tự bồi dưỡng trong năm học tren Temis Thống nhất hoạt động minh họa của từng tổ chuyên môn	PHT chuyên môn	PHT cơ sở, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	
	Kiểm tra kế hoạch năm, chủ đề, tuần, nhật ký và duyệt VNEDU Tổ chức các hoạt động trải nghiệm chào mừng ngày 20/10 cho trẻ	PHT chuyên môn	PHT cơ sở, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	

	Dự giờ, kiểm tra việc thực hiện chương trình và môi trường giáo dục	PHT chuyên môn	PHT cơ sở, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	
	Kiểm tra ATTP, tính khẩu phần, lưu mẫu và kiểm thực ba bước	PHT chuyên môn	PHT cơ sở, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	
	Tập huấn STEAM, Montessori và khai thác học liệu số Tổ chức bồi dưỡng TX cho GV chuyên đề Ứng dụng CNTT và CĐS trong soạn và duyệt kế hoạch giáo dục Triển khai tổ chức các hoạt động chuẩn bị công tác Đánh giá trường Chuẩn quốc gia. Thành lập hội đồng tự đánh giá, phân công cụ thể cho từng CBGV vào từng tiêu chuẩn cụ thể	PHT chuyên môn	PHT cơ sở, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	
11/2026	Tổ chức hội giảng, dự giờ và chia sẻ hoạt động tốt Tổng hợp kết quả và báo cáo hội thi	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV	
	Tổ chức hoạt động giáo dục gắn ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV	
	Kiểm tra chất lượng môi trường lấy trẻ làm trung tâm tại các điểm Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác đảm bảo an toàn tại các nhóm lớp và trong nhà trường Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên theo kế hoạch	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV	

	Tổ chức hoạt động Ngày văn hóa địa phương học kỳ I	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV	
	Rà soát tiến độ bồi dưỡng thường xuyên và hồ sơ chuyên môn Kiểm tra chuyên đề, chuyên môn giáo dục theo KH KTNB năm học	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV	
12/2026	Rà soát tiến độ chương trình 35 tuần và điều chỉnh nếu cần Kiểm tra dự giờ đánh giá việc lồng ghép tích hợp ND GDBVMT, GDTKNL	PHT chuyên môn	Y tế, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	
	Kiểm tra cân đo, hồ sơ sức khỏe và phối hợp khám sức khỏe theo kế hoạch	PHT chuyên môn	Y tế, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	
	Kiểm tra chất lượng bữa ăn, vệ sinh và phòng chống rét, dịch bệnh	PHT chuyên môn	Y tế, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	
	Tổ chức trải nghiệm phù hợp dịp 22/12 và văn hóa địa phương	PHT chuyên môn	Y tế, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	
	Tổng hợp kết quả dự giờ, chuyên đề, đánh giá trẻ học kỳ I Kiểm kê tài sản tài chính cuối năm Tổ chức hoạt động trải nghiệm Ngày Noel – Giáng sinh yêu thương.	PHT chuyên môn	Y tế, tổ trưởng, GV, tổ nuôi	
01/2027	Sơ kết kết quả chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục học kỳ I	BGH	Tổ trưởng, GV, y tế, NV	

	Đánh giá mức độ đạt mục tiêu theo độ tuổi, trẻ cần hỗ trợ	BGH	Tổ trưởng, GV, y tế, NV	
	Điều chỉnh kế hoạch học kỳ II và phân công hỗ trợ các cơ sở	BGH	Tổ trưởng, GV, y tế, NV	
	Rà soát ATTP, phòng dịch, PCCC và phương án an toàn trước nghỉ Tết	BGH	Tổ trưởng, GV, y tế, NV	
02/2027	Tổ chức trải nghiệm mùa xuân, trò chơi dân gian, văn hóa Thành Nam	PHT phụ trách cơ sở	Tổ trưởng, GV, NV	
	Kiểm tra an toàn cơ sở, bếp ăn và nền nếp sau nghỉ Tết	PHT phụ trách cơ sở	Tổ trưởng, GV, NV	
	Dự giờ, kiểm tra triển khai kế hoạch và hỗ trợ lớp còn hạn chế	PHT phụ trách cơ sở	Tổ trưởng, GV, NV	
	Rà soát tiến độ hồ sơ và nội dung học liệu số	PHT phụ trách cơ sở	Tổ trưởng, GV, NV	
03/2027	Tổ chức hoạt động minh họa STEAM gắn trải nghiệm địa phương học kỳ II	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV, y tế	
	Sinh hoạt chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học, rút kinh nghiệm hoạt động minh họa	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV, y tế	
	Rà soát hội thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh theo hướng dẫn chính thức Tổ chức Kỷ niệm ngày quốc tế phụ nữ 8/3. Tổ chức hoạt động, làm bưu thiếp chủ đề “ Lời con muốn nói”	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV, y tế	

	Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của giáo viên theo kế hoạch, tổ chức giáo dục kỹ năng sống, an toàn thể chất và tinh thần	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV, y tế	
	Theo dõi cân đo, đánh giá tình trạng dinh dưỡng định kỳ	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV, y tế	
04/2027	Rà soát số tuần đã thực hiện, kế hoạch hoàn thành chương trình	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV	
04/2027	Đánh giá tiến bộ của trẻ, nhất là trẻ 5 tuổi chuẩn bị vào lớp 1	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV	
	Tổ chức trải nghiệm văn hóa địa phương Tổ chức hội sách chủ đề " Bé làm quen với sách"	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV	
	Kiểm tra việc thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ số	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV	
	Chuẩn bị đánh giá chuyên đề, báo cáo tổng kết Chấm và xếp loại Sáng kiến kinh nghiệm. Hoàn thiện hồ sơ gửi cấp trên.	PHT chuyên môn	Tổ trưởng, GV	
05/2027	Hoàn thành chương trình, đánh giá trẻ cuối năm theo độ tuổi	BGH	Tổ trưởng, GV, y tế, tổ nuôi	
	Tổ chức trải nghiệm làm quen trường tiểu học cho trẻ 5 tuổi Kỷ niệm ngày sinh nhật Bác	BGH	Tổ trưởng, GV, y tế, tổ nuôi	

	Tổng kết chuyên đề văn hóa địa phương, STEAM và môi trường giáo dục Báo cáo tổng kết năm học Bình xét thi đua cuối năm	BGH	Tổ trưởng, GV, y tế, tổ nuôi	
	Đánh giá viên chức năm 2026 Đánh giá GV theo chuẩn nghề nghiệp GVMN Đánh giá giáo viên, bồi dưỡng thường xuyên trên Temis	BGH	Tổ trưởng, GV, y tế, tổ nuôi	
	Cân đo cho trẻ lần 4. Tổng hợp số liệu nuôi dưỡng, sức khỏe, an toàn, báo cáo tổng kết	BGH	Tổ trưởng, GV, y tế, tổ nuôi	
	Thực hiện công tác kiểm tra chéo chuyên đề Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm, trường học an toàn phòng tránh tai nạn thương tích. Tổng kết công tác kiểm tra nội bộ theo kế hoạch	BGH	Tổ trưởng, GV, NV	
	Tổ chức khảo sát nhu cầu gửi trẻ trong dịp hè để xây dựng kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ, đáp ứng nhu cầu của phụ huynh. Lên kế hoạch hoạt động hè, đăng ký dạy	BGH	Tổ trưởng, GV, y tế, tổ nuôi	
06–07/2027	Tổng hợp, lưu trữ hồ sơ và hoàn thiện báo cáo năm học Tổng hợp báo cáo thống kê; hoàn thành Báo cáo lĩnh vực công tác, Báo cáo tiêu chí thi đua, Báo cáo tổng kết năm học 2026-2027	BGH	Tổ trưởng, GV, NV	

	Tổ chức hoạt động hè theo nhu cầu và điều kiện bảo đảm an toàn	BGH	Tổ trưởng, GV, NV	
	Kiểm kê, bảo trì và đề xuất bổ sung thiết bị, đồ chơi, học liệu	BGH	Tổ trưởng, GV, NV	
	Rà soát tuyển sinh, chuyển lớp và chuẩn bị kế hoạch năm học mới	BGH	Tổ trưởng, GV, NV	

Nơi nhận:
- Sở GDĐT;
- Tổ chuyên môn;
- Lưu VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đỗ Thị Thu Quyên **Trần Thị Thanh Huyền** **Trần Thị Thời**

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

U.B.N.D PHƯỜNG NAM ĐỊNH TỈNH NINH BÌNH
TRƯỜNG MẦM NON THỐNG NHẤT

VŨ THỊ THU THUỶ

PHỤ LỤC

DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ, SỰ KIỆN, NỘI DUNG-HOẠT ĐỘNG

(Kèm theo kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trường mầm non Thống Nhất)

Năm học 2026-2027

I. ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ 18-24 tháng

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
Bé và các bạn (3 tuần : Từ 14/09/2026-17/09/2026)	Ngày 7/9-11/9/ 2026 ổn định trẻ vào nề nếp		
	Bé là ai?	1	14/09-18/09/2026
	Bé đón tết trung thu	1	21/09-19/9/2026
	Bé và các bạn	1	28/9-02/10/2026

Đồ chơi của bé (3 tuần: Từ 05/10/2026-23/10/2026)	Đồ chơi bé thích	1	05/10-09/10/2026
	Đồ chơi trong lớp của bé	1	12/10-16/10/2026
	Bé chơi với đồ chơi	1	19/10-23/10/2026
Các cô ,các bác trong trường (3 tuần :Từ 28/10/2026-13/11/2026)	Cô giáo như mẹ hiền	1	26/10-30/10/2026
	Các cô các bác trong trường	1	02/11-06/11/2026
	Công việc của các cô các bác trong trường	1	09/11-13/11/2026
Mẹ và những người thân yêu của bé (4 tuần :Từ 16/11/2026-11/12/2026)	Mẹ và bé	1	16/11-20/11/2026
	Ngày hội của cô giáo(20/11)	1	23/11-27/11/2026
	Bé và những người thân yêu	1	30/11-04/12/2026
	Đồ dùng để ăn	1	07/12-11/12/2026
Những con vật bé yêu (4 tuần : Từ 14/12/2026-08/01/2027)	Những con vật nuôi trong gia đình	1	14/12-18/12/2026
	Những con vật sống dưới nước	1	21/12-25/12/2026
	Giáng sinh yêu thương	1	28/12-01/01/2027
	Những con vật sống trong rừng	1	04/01-08/01/2027
Cây và những bông hoa đẹp (3 tuần: Từ 11/01/2027 đến 29/01/2027)	Vườn quả của bé	1	11/01-15/01/2027
	Vườn rau của bé	1	18/01-22/01/2027
	Những bông hoa đẹp	1	25/01-29/01/2027
Tết và mùa xuân (3 tuần :Từ 01/02/2027-26/02/2027)	Mùa xuân của bé	1	01/02-03/02/2027
	Nghỉ tết từ 04/02/2027->10/02/2027		
	Ngày tết của bé	1	15/02-19/02/2027
	Món ăn ngày tết	1	22/02-26/02/2027
Bé thích đi bằng phương tiện gì? (5 tuần: Từ 01/03/2027-02/04/2027)	PTGT đường bộ: Ô tô , tàu hỏa	1	01/03-05/02/2027
	Ngày hội 8/3	1	08/03-12/03/2027
	PTGT đường thủy	1	15/03-19/03/2027
	PTGT hàng không	1	22/03-26/03/2027
	Bé biết những loại phương tiện gì	1	29/03-02/04/2027
Mùa hè của bé (3 tuần: Từ 05/04/2027-23/04/2027)	Thời tiết mùa hè	1	05/04-09/04/2027
	Trang phục mùa hè	1	12/04-16/04/2027
	Bé làm gì trong mùa hè	1	19/04-23/04/2027
Bé lên mẫu giáo (4 tuần : Từ 26/04/2027-21/05/2027)	Lớp học của bé	1	26/04-30/04/2027
	Các hoạt động của bé trong nhóm lớp	1	03/05-07/05/2027
	Sinh nhật Bác Hồ	1	10/05-14/05/2027
	Quốc tế thiếu nhi 1/6	1	17/05-21/05/2027

	Tổng:	**35**	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động khối nhà trẻ 18 – 24 tháng

Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung – hoạt động	Điều chỉnh Bổ sung
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
a) Phát triển vận động		
- *Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.* ***Trẻ 18 - 24 tháng:*** Cân nặng: + Trẻ trai:9.7 – 15.3 kg; Trẻ gái: 9.1 – 14.8 kg Chiều cao: + Trẻ trai: 81.7 – 93.9 cm; Trẻ gái: 80.0 – 92.9 cm	+ Khẩu phần ăn đảm bảo: 600 - 651 Kclo/ngày (tại trường Mầm non). + Ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ/ lớp. + Cân đo theo tháng + Theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng + Khám sức khỏe định kỳ. + Phòng tránh các bệnh cho trẻ.	
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1: Trẻ Bắt chước một số động tác theo cô: Giơ cao tay – Đưa về phía trước – Sang ngang.	- Hô hấp: tập hít thở. - Tay: Giơ cao đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau. - Lưng bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên. - Chân: Dang sang 2 bên, ngồi xuống đứng lên.	
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận đông ban đầu		
MT2: Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo hướng thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên tay và đi hết đoạn đường 1,8 -2 m.	Tập đi, chạy: - Đi theo hướng thẳng - Đi trong đường hẹp - Đi bước qua vật cản - Tập bước lên xuống bậc thang	
MT3: Trẻ thực hiện phối hợp	Tập tung, ném:	

vận động tay- mắt: Biết lăn- bắt bóng với cô	- Ngồi lăn bóng - Đứng ném, tung bóng	
MT4: Trẻ biết phối hợp tay chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản	- Tập bò, trườn: + Bò, trườn dưới đích + Bò chui dưới dây + Bò chui dưới gậy kê cao	
MT5: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 ; đá Bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	Tập tung, ném: - Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích	
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay		
MT6: Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay	- Nhặt đồ chơi - Nhặt lá cây	
MT7: Trẻ biết tháo lắp lồng được 3-4 hộp tròn, xếp chồng được 2-3 khối vuông	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay - cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật - Đóng mở nắp có ren - Tháo lắp,lồng hộp tròn vuông - Xếp chồng 3-4 khối - Vạch các nét nguếch ngoạc bằng ngón tay	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ		
1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt		
MT8: Trẻ biết thích nghi với chế độ ăn nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn nát và có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống	
MT9: Trẻ ngủ một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa	
MT10: Trẻ biết gọi người lớn	Tập một số thói quen vệ sinh tốt.	

khi có nhu cầu đi vệ sinh.	- Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. - Gọi cô khi bị ướt, bị bẩn	
2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khoẻ		
MT11: Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc cơm, cầm cốc uống nước)	- Tập tự phục vụ: + Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc . + Tập ngồi vào bàn ăn + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt	
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn		
MT12: Trẻ biết tránh một số vật, nơi nguy hiểm	- Nhận biết một số vật, nơi nguy hiểm(phích nước nóng,bàn là,bếp đang đun) khi được nhắc nhở	
MT13: Trẻ nhận biết một số hành động nguy hiểm	- Biết một số hành động nguy hiểm (sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế…) khi được nhắc nhở	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan		
MT14: Trẻ sử dụng giác quan để sờ nắm, nhìn, nghe… để nhận biết, đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh, phương tiện giao thông, hiện tượng tự nhiên - Sờ, nắn , lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi của một số hoa, quả quen thuộc , gần gũi. - Nếm vị của một số quả, thức ăn .	

2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi		
Một số đồ dùng, đồ chơi		
MT15: Trẻ có khả năng bắt chước hành động đơn giản của những người thân.	- Hướng dẫn chơi với búp bê và đồ dùng gia đình như ru em, bế em, cho em ăn, tắm cho em, nấu ăn và bày bàn ăn - Tên , đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng, đồ chơi quen thuộc	
Bản thân, người gần gũi		
MT16: Trẻ có thể chỉ hoặc nói được tên của mình và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên của bản thân - Hình ảnh của bản thân trong gương - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp .	
Một số bộ phận của cơ thể con người		
MT17: Trẻ chỉ vào hoặc nói tên một số bộ phận cơ thể của người khi được hỏi	**-** Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	
Một số con vật, hoa, quả quen thuộc		
MT18: Trẻ chỉ/ lấy/ nói tên đồ dùng, đồ chơi hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên và một số đặc điểm nổi bật (các bộ phận, hình dáng, màu sắc…..)của con vật, rau, hoa quả quen thuộc, một số loại phương tiện giao thông gần gũi	
Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng vị trí không gian		
MT19: Trẻ biết Chỉ hoặc lấy được đồ chơi màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu đỏ, xanh - Kích thước to- nhỏ .	

GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT20: Trẻ có khả năng thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Đi đến đây; đi rủa tay…	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu của người lớn bằng lời nói	
MT21: Trẻ hiểu được từ "không": dừng hành độngkhi nghe "Không được lấy !" ; " Không được sờ!"…	- Nghe các câu hỏi: "Ở đâu?", " con gì?", "… thế nào?",(" Gà gáy thế nào?"), " Cái gì?"; " Làm gì?"	
MT22: Trẻ trả lời được câu hỏi đơn giản: " Ai đây?" ; "Con gì đây?"; "Cái gì đây"…	- Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu		
MT23: Trẻ có khả năng nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi…	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Trả lời và đặt câu hỏi: Con gì? Cái gì? Làm gì? .	
MT24: Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của bài thơ.	
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp		
MT25: Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm…	- Thể hiện nhu cầu , mong muốn của mình bằng câu đơn giản .	
MT26: Trẻ chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân(cháu uống nước, cháu muốn…)	- Cháu muốn uống nước - Cháu muốn đi vệ sinh…	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KĨ NĂNG XÃ HỘI		
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân		
MT27: Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh(chỉ vào hình ảnh của mình trong gương	-Biết hình ảnh của bản thân.	

khi được hỏi).		
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi		
MT28: Trẻ có khả năng biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ lời nói với những người gần gũi	- Biểu lộ sự thích giao tiếp với người gần gũi bằng củ chỉ lời nói	
MT29: Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người sung quanh	- Biết lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh	
MT30: Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	- Thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật	
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		
MT31: Trẻ chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như : Chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói Từ "ạ", "dạ".	
MT32: Trẻ bắt chước được một vài hành vi xã hội(bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại …)	- Chơi đồ chơi cùng bạn, cất đồ chơi cùng cô	
MT33: Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh ban, không giành đồ chơi với bạn	
MT34: Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc(giậm chân, lắc lư, vỗ tay…)	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc	
MT35: Trẻ Thích vẽ, xem tranh	- Tập cầm bút - Xem tranh	

II. ĐỘ TUỔI NHÀ TRẺ 24-36 THÁNG

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
Bé và các bạn	Ổn định nền nếp trẻ		Từ 07/9-11/9/2026

(3 tuần : Từ 14/09/2026 02/10/2026)	Bé là ai?	1	Từ 14/9 -18/9/2026
	Bé đón tết trung thu	1	Từ 21/09 -25/09/2026
	Bé và các bạn	1	Từ 28/09 – 02/10/2026
Đồ chơi của bé (3 tuần :Từ 5/10/2026-23/10/2026)	Đồ chơi bé thích	1	Từ 05/10- 9/10/2026
	Đồ chơi trong lớp của bé	1	Từ 12/10-16/10/2026
	Bé chơi với đồ chơi	1	Từ 19/10-23/10/2026
Các cô, các bác trong trường (3 tuần :Từ 26/10/2026-13/11/2026)	Cô giáo như mẹ hiền	1	Từ 26/10 -30/10/2026
	Các cô các bác trong trường	1	Từ 02/11 -6/11/2026
	Công việc của các cô các bác trong trường	1	Từ 9/11 -13/11/2026
Mẹ và những người thân yêu của bé (4 tuần :Từ 16/11/2026-11/12/2026)	Ngày hội của cô giáo(20/11)	1	Từ 16/11 -20/11/2026
	Mẹ và bé	1	Từ 23/11 -27/11/2026
	Bé và những người thân yêu	1	Từ 30/11 – 04/12/2026
	Đồ dùng để ăn	1	Từ 7/12 – 11/12/2026
Những con vật bé yêu (4 tuần : Từ 14/12/2026-8/01/2027)	Những con vật nuôi trong gia đình	1	Từ 14/12 -18/12/2026
	Những con vật sống dưới nước	1	Từ 21/12 -25/12/2026
	Giáng sinh yêu thương	1	Từ 28/12 – 01/01/2027
	Những con vật sống trong rừng	1	Từ 04/01 – 8/01/2027
Cây và những bông hoa đẹp (3 tuần: Từ 11/01/2027 đến 29/01/2027)	Vườn quả của bé	1	Từ 11/01 – 15/01/2027
	Vườn rau của bé	1	Từ 18/01 – 22/01/2027
	Những bông hoa đẹp	1	Từ 25/01 – 29/01/2027
Tết và mùa xuân (3 tuần :Từ 01/02/2027-26/02/2027)	Mùa xuân của bé	1	Từ 01/02 – 03/02/2027
	Nghỉ Tết 04/02 -10/02/2027		
	Ngày tết của bé	1	Từ 15/02 – 19/02/2027
	Món ăn ngày tết	1	Từ 22/02 -26/02/2027
	PTGT đường bộ :Ô tô , tàu	1	Từ 01/03 – 5/03/2027

Bé thích đi bằng phương tiện gì? (5 tuần: Từ 01/03/2027-02/04/2027)	hỏa		
	Ngày hội 8/3	1	Từ 8/03- 12/03/2027
	PTGT đường thủy	1	Từ 15/03-19/03/2027
	PTGT hàng không	1	Từ 22/03 -26/03/2027
	Bé biết những loại phương tiện gì	1	Từ 29/03 - 02/04/2027
Mùa hè của bé (3 tuần: Từ 5/04/2027-23/04/2027)	Thời tiết mùa hè	1	Từ 05/04 -9/04/2027
	Trang phục mùa hè	1	Từ 12/04 -16/04/2027
	Bé làm gì trong mùa hè	1	Từ 19/04 – 23/04/2027
Bé lên mẫu giáo (4 tuần : Từ 26/04/2027-21/5/2027)	Lớp học của bé	1	Từ 26/04 -30/04/2027
	Các hoạt động của bé trong nhóm lớp	1	Từ 03/05 -7/5/2027
	Sinh nhật Bác Hồ	1	Từ 10/5 – 14/05/2027
	Quốc tế thiếu nhi 1/6	1	Từ 17/05 – 21/05/2027
	Tổng:	**35**	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động khối nhà trẻ 24 – 36 tháng

Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung – hoạt động	Điều chỉnh Bổ sung
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
a) Phát triển vận động		
- *Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.* ***Trẻ 24 tháng:*** Cân nặng: + Trẻ trai:9.7 – 15.3 kg; Trẻ gái: 9.1 – 14.8 kg Chiều cao: + Trẻ trai: 81.7 – 93.9 cm; Trẻ gái: 80.0 – 92.9 cm ***Trẻ 36 tháng:*** Cân nặng: + Trẻ trai:11.3 – 18.3 kg; Trẻ gái: 10.8 – 18.1 kg	+ Khẩu phần ăn đảm bảo: 600 - 651 Kclo/ngày (tại trường Mầm non). + Ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ/ lớp. + Cân đo theo quý + Theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng + Khám sức khỏe định kỳ. + Phòng tránh các bệnh cho trẻ.	

Chiều cao: + Trẻ trai: 88.7 – 103.5 cm; Trẻ gái: 87.4 – 102.7cm		
1. Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1: Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay , lưng bụng và chân	- Hô hấp: tập hít vào thở ra - Tay: Giơ cao đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay - Lưng bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang hai bên - Chân: Ngồi xuông đứng lên, co duỗi từng chân	
2. Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận đông ban đầu		
MT2: Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng trong vận động đi, chạy thay đổi tốc độ nhanh- chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay	Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay - Chạy theo hướng thẳng - Đứng co một chân Tập nhún bật: + Bật tại chỗ + Bật qua vạch kẻ	
MT3: Trẻ thực hiện phối hợp vận động tay- mắt: tung – bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1- 1,2m.	Tập tung, ném, bắt: - Tung bắt bóng cùng cô	
MT4: Trẻ biết phối hợp tay chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	- Tập bò, trườn: + Bò thẳng hướng và có vật trên lưng + Bò chui qua cổng + Bò trườn qua vật cản	

MT5: Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng 1 tay(tối thiểu 1,5m)	Tập tung, ném, bắt: - Ném bóng về phía trước - Ném bóng vào đích	
3. Thực hiện vận động cử động của bàn tay, ngón tay		
MT6: Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện " múa khéo"	- Múa vận động theo nhạc các bài hát liên quan đến các chủ đề	
MT7: Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay, mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ, tô chim, xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ	- Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6-8 khối - Tập cầm bút, tô, vẽ - Lật mở trang sách	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ		
1. Có một số nền nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt		
MT8: Trẻ biết thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống	
MT9: Trẻ ngủ một giấc buổi trưa	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc buổi trưa	
MT10: Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Rửa tay trước khi ăn, lau miệng, lau mặt; uống nước sau khi ăn. Vứt rác đúng nơi qui định - Biết tự xin cô vào nhà vệ sinh khi có nhu cầu.	

2. Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khoẻ		
MT11: Trẻ có thể làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy nước uống, đi vệ sinh)	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước. + Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần quần áo khi bị bẩn, bị ướt + Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt	
MT12: Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra nắng, đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	- Chấp nhận đội mũ khi ra nắng, - Đi giày dép phù hợp với thời tiết ; - Mặc quần áo ấm, đội mũ, quàng khăn…. khi trời lạnh	
3. Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn		
MT13: Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm	- Nhận biết một số vật dụng, nơi nguy hiểm(bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở	
MT14: Trẻ nhận biết và tránh một số hành động nguy hiểm	- Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn…) khi được nhắc nhở	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
1. Khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan		
MT15: Trẻ sử dụng giác quan để sờ, nắn, nhìn, nghe, ngửi nếm để nhận biết, đặc điểm nổi bật của đối tượng	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc, phương	

	tiện giao thông, hiện tượng tự nhiên - Sờ, nắn nhìn ngửi đồ vật, hoa quả để nhận biết đặc điểm nổi bật - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng- mềm, trơn (nhẵn)- xù xì - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt – chua – mặn)	
2. Thể hiện sự hiểu biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi		
Một số đồ dùng, đồ chơi		
MT16: Trẻ có khả năng chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc	- Hướng dẫn chơi với búp bê và đồ dùng gia đình như ru em, bế em, cho em ăn, tắm cho em, nấu ăn và bày bàn ăn - Tên , đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng, đồ chơi quen thuộc	
Bản thân, người gần gũi		
MT17: Trẻ có thể nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình - Tên cô giáo, các bạn, nhóm/lớp.	
Một số bộ phận của cơ thể con người		
MT18: Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi	**-** Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	
Một số con vật, hoa, quả quen thuộc		
MT19: Trẻ nói được tên một vài đặc điểm của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc, các phương	- Tên và một số đặc điểm nổi bật (các bộ phận, hình dáng, màu sắc…..)của con vật, rau, hoa quả	

tiện giao thông	quen thuộc, một số loại phương tiện giao thông gần gũi	
Một số màu cơ bản, kích thước, hình dạng, số lượng vị trí không gian		
MT20: Trẻ biết Chỉ / nói tên, lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu cầu	- Màu đỏ, vàng, xanh - Hình tròn – hình vuông - Số lượng một – nhiều - Vị trí trong không gian (tren – dưới, trước – sau) so với bản thân trẻ.	
MT21: Trẻ biết Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có thích thước to/ nhỏ theo yêu cầu	- Chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có thích thước to/ nhỏ theo yêu cầu - Kích thước to – nhỏ	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT22: Trẻ có khả năng thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay	- Nghe và thực hiện các yêu cầu của người lớn bằng lời nói	
MT23: Trẻ trả lời câu hỏi: "Ai đấy"; "Cái gì đây"; "...Làm gì?"; "….thế nào" (ví dụ: " con gà gáy thế nào?"….)	- Nghe các câu hỏi: "cái gì?", " làm gì?", " để làm gì?", " ở đâu?", " như thế nào?"	
MT24: Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, các câu đố bài hát và truyện ngắn	
2. Nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu		
MT25: Trẻ có khả năng phát âm rõ tiếng	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp	

	- Trả lời và đặt câu hỏi: Cái gì? Làm gì? ở đâu? Thế nào? Để làm gì? Tại sao?...	
MT26: Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo	- Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3- 4 tiếng - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	
3. Sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp		
MT27: Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm quen thuộc	- Thể hiện nhu cầu , mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài	
MT28: Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau	- Chào hỏi, trò chuyện - Bày tỏ nhu cầu của bản thân - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: " con gì đây?", "cái gì đây?"	
MT29: Trẻ nói to đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KĨ NĂNG XÃ HỘI		
1. Biểu lộ sự nhận thức về bản thân		
MT30: Trẻ nói được một vài thông tin về mình(tên , tuổi)	-Tên tuổi, giới tính của bản thân	
MT31: Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	- Sở thích của bản thân: thích gì?; không thích gì? - Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi	
2. Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi		
MT32: Trẻ có khả năng biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ lời nói	- Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng củ chỉ lời nói	
MT33: Trẻ nhận biết được trạng thái, cảm xúc vui, buồn, sợ hãi	- Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận	

MT34: Trẻ biểu lộ cảm xúc vui , buồn sợ hãi qua nét mặt, củ chỉ	- Biểu lộ cảm xúc vui , buồn sợ hãi qua nét mặt, củ chỉ	
MT 35: Trẻ biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi	- Lắng nghe và bắt chước tiếng kêu của các con vật - Yêu quý các con vật, cách chăm sóc	
3. Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		
MT36: Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: Chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ dạ, vâng ạ.	
MT37: Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ(trò chơi bế em , quấy bột cho em bé, nghe điện thoại….)	- Chơi đồ chơi cùng bạn, cất đồ chơi cùng cô	
MT38: Trẻ chơi thân thiện cạnh trẻ khác	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh ban, không giành đồ chơi với bạn	
MT39: Trẻ thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm lớp: Xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi đúng nơi quy định	
MT40: Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc quen thuộc	- Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc	
MT41: Trẻ Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh(cầm bút di màu, vẽ nguệch ngoạc)	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xe, vò xếp hình - Xem tranh	

II. ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 3-4 TUỔI

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

STT	CHỦ ĐỀ	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	**Ổn định nề nếp**	Đưa trẻ vào nề nép	1	Từ ngày 07/9 - 11/09/2026

2	**Trường mầm non** 3 Tuần Từ ngày 14/9 - 02/09/2026	Trường mầm non của bé	1	Từ ngày 14/9 - 18/9/2026
		Bé vui tết trung thu	1	Từ ngày 21/9 - 25/9/2026
		Lớp học của bé	1	Từ ngày 28/9 - 02/10/2026
3	**Bản thân** 4 Tuần Từ ngày 05/10-30/10/2026	Bé là ai	1	Từ ngày 05/10 - 09/10/2026
		Cơ thể bé	1	Từ ngày 12/10 - 16/10/2026
		Bé thích gì?	1	Từ ngày 19/10 - 23/10/2026
		Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh?	1	Từ ngày 26/10 - 30/10/2026
4	**Nghành nghề** 4 Tuần Từ ngày 02/11 - 27/11/2026	Chú bộ đội	1	Từ ngày 02/11 - 06/11/2026
		Bác sĩ/ Cô y tá	1	Từ ngày 09/11 - 13/11/2026
		Nghề dạy học (Cô giáo)	1	Từ ngày 16/11 - 20/11/2026
		Nghề truyền thống	1	Từ ngày 23/11 - 27/11/2026
5	**Gia đình** 4 Tuần Từ ngày 30/11 – 25/12/2026	Bố mẹ và những người thân yêu	1	Từ ngày 30/11 – 04/12/2026
		Ngôi nhà của bé	1	Từ ngày 07/12 – 11/12/2026
		Nhu cầu của gia đình	1	Từ ngày 14/12 – 18/12/2026
		Đồ dùng của gia đình	1	Từ ngày 21/12 – 25/12/2026
6	**Thế giới động vật** 4 tuần Từ ngày 28/12 - 22/01/2027	Động vật nuôi trong gia đình	1	Từ ngày 28/12 - 01/01/2027
		Động vật sống trong rừng	1	Từ ngày 04/01 – 08/01/2027
		Động vật sống dưới nước	1	Từ ngày 11/01 – 15/01/2027
		Côn trùng	1	Từ ngày 18/01 – 22/01/2027
7	**Thế giới thực vật** 4 tuần Từ ngày 25/01 - 26/02/2027	Một số loại cây	1	Từ ngày 25/01 – 29/01/2027
		Tết và mùa xuân	1	Từ ngày 01/02 – 05/02/2027
		Hoa đẹp quanh bé	1	Từ ngày 15/02 - 19/02/2027
		Rau - củ - quả	1	Từ ngày 22/2 – 26/2/2027
		(Dự kiến nghỉ tết từ ngày 04/02 - 10/02/2027)		
8	**Giao thông** 4 tuần Từ ngày 01/2-26/3/2027	PTGT đường bộ	1	Từ ngày 01/3 – 05/2/2027
		PTGT đường thủy	1	Từ ngày 08/3 – 12/3/2027
		PTGT đường hàng không	1	Từ ngày 15/3 – 19/3/2027
		Luật lệ giao thông	1	Từ ngày 22/3 – 26/3/2027
9	**Nước và hiện tượng**	Nước quanh bé	1	Từ ngày 29/3 –02/4/2027
		Gió và mây	1	Từ ngày 03/04 – 09/4/2027

	tự nhiên 4 tuần Từ ngày 29/3 – 23/4/2027	Mùa hè	1	Từ ngày 12/4 – 16/4/2027
		Ngày hội đọc sách	1	Từ ngày 19/4 – 23/4/2027
10	**Quê hương - Đất nước - Bác Hồ** 4 tuần Từ ngày 26/4 - 21/5/2027	Nam Định thân yêu	1	Từ ngày 26/4 – 30/04/2027
		Làng quê Việt Nam	1	Từ ngày 03/5 – 07/5/2027
		Bác Hồ kính yêu	1	Từ ngày 10/5 – 14/5/2027
		Đất nước diệu kì	1	Từ ngày 17/05 - 21 /05/2027
Cộng			35	

2. Mục tiêu, nội dung hoạt động khối mẫu giáo 3-4 tuổi

Mục tiêu giáo dục năm học	**Nội dung giáo dục năm học**	**Điều chỉnh Bổ sung**
*** GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**		
- *Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.* Cân nặng: + Trẻ trai:12.7-21.2 kg + Trẻ gái:12.3-21.5 kg Chiều cao: + Trẻ trai: 94.9-111.7kg + Trẻ gái: 94.1-111.3kg	+ Khẩu phần ăn đảm bảo: 735 - 882 Kclo/ngày (tại trường Mầm non). + Ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ/ lớp. + Cân đo theo quý + Theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng + Khám sức khỏe định kỳ. + Phòng tránh các bệnh cho trẻ.	
*** Phát triển vận động**		
- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1. Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	* Động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp - Hô hấp: Hít vào, thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía	

	trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước,bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân	
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động.		
MT2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	- Đi và chạy: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m X 0,2 m) - Đi kiễng gót liên tục 3 m. - Bước lên xuống bục cao(cao 30cm)	
MT3. Kiểm soát được vận động:	- Đi và chạy: + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 – 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.	
MT4. Phối hợp tay – mắt trong vận động:	- Tung, ném, bắt: + Lăn, đập, tung bắt bóng với cô. + Tự đập bắt bóng được 3 lần liền + Chuyền bắt bóng hai bên theo	

	hàng ngang, hàng dọc. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném trúng đích bằng 1 tay	
MT5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	- Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). + Bò, trườn, trèo: - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. + Bò, trườn theo hướng thẳng, dích dắc. + Bò chui qua cổng. + Trườn về phía trước. + Bước lên, xuống bục cao (cao 30 cm).	
-Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt .		
MT6. Thực hiện được các vận động:	- Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau	
MT7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:	- Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Tô vẽ nguệch ngoạc. - Sử dụng số đồ dùng dụng cụ: kéo, bút. - Cắt được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng các hình khối khác nhau: 8 – 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc áo. - Đan, tết. - Xé dán giấy.	
*** GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE**		
- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của		

chúng đối với sức khỏe.		
MT8. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc.	
MT9. Biết tên một số món ăn hằng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau...	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất.	
MT10. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì....).	
- Thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt:		
MT11. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: + Rửa tay, lau mặt, súc miệng. + Tháo tất, cởi quần, áo...	Tập và làm một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt: - Làm quen cách đánh răng, lau mặt. - Tập rửa tay bằng xà phòng. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	
MT12. Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Tập sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	
- Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.		
MT13. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe.	
MT14. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: + Chấp nhận: vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh,	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Nhận biết trang phục theo thời tiết.	

đi dép, giầy khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm.	
- Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh.		
MT15. Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...)	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng	
MT16. Biết tranh nơi nguy hiểm (hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...)	- Tránh xa hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi... - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	
MT17.Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... + Không tự lấy thuốc uống. + Không leo trèo bàn ghế, lan can. + Không nghịch các vật sắc nhọn. + Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.	
***GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC**		
1. Khám phá khoa học		
- Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của sự vật, hiện tượng.		
MT18. Quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	
MT19. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối	- Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của	

tượng: Nhìn, nghe, ngửi, sờ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.	đối tượng. + Đặc điểm nổi bật, của đồ dùng, đồ chơi. + Đặc điểm của một số PTGT quen thuộc. + Đặc điểm nổi bật của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc.	
MT20. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	- Sử dụng đồ dùng, dụng cụ để quan sát, tìm hiểu đối tượng với sự giúp đỡ của người lớn. + Thả vật chìm, vật nổi + Pha màu/ dầu ăn vào nước (Pha đường/ muối vào nước)	
MT21. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Xem sách, tranh ảnh và nói được thông tin về đối tượng.	
MT22. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Phân loại các đối tượng theo dấu hiệu: + Đất/ đá/ sỏi/ cát... + Một số PTGT quen thuộc + Một số đồ dùng đồ chơi (vật nuôi, cây trồng...) + Một số HTTN	
- Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.		
MT23. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa các con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.	
- Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.		

MT24. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Nói được dấu hiệu nổi bật dưới sự gợi mở của cô giáo. + Đồ dùng đồ chơi + PTGT + Động vật, thực vật + Một số HTTN: thời tiết, mùa, ngày và đêm...	
MT25. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi trò chơi: ĐVTCĐ, bắt chước tạo dáng - Sản phẩm tạo hình...	
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán.		
- Nhận biết số đếm, số lượng		
MT26. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm. + Một và nhiều.	
MT27. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng.	
MT28. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	
MT29. Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	+ Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	
MT30.Tách một nhóm đối tượng có tổng số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.	+ Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	

- Sắp xếp theo quy tắc		
MT31. Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng + Xếp tương ứng 1 – 1, ghép đôi. + Xếp xen kẽ.	
- So sánh hai đối tượng		
MT32. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh + So sánh hai đối tượng về kích thước.	
- Nhận biết hình dạng		
MT33. Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chắp ghép.	
- Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.		
MT34. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Định hướng trong không gian và định hướng thời gian. + Nhận biết phía trên – phía dưới, phía trước – phía sau, tay phải – tay trái của bản thân.	
3. Khám phá xã hội		
- Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.		
MT35. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên tuổi, giới tính của bản thân.	
MT36. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	

đình.		
MT37. Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	- Địa chỉ gia đình. - Trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	
MT38. Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	
- Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.		
MT39. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Một số nghề trong xã hội. + Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến.	
- Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT40. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa + Cờ tổ quốc, ngày lễ hội của địa phương. + Ngày khai giảng, tết trung thu	
MT41. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.	- Danh lam thắng cảnh, + Tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh...	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
- Nghe hiểu lời nói		
MT42. Thực hiện được yêu cầu đơn giản	- Thực hiện được các yêu cầu đơn giản khi được đề nghị.	
MT43. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả....	+ Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	

	+ Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.	
MT44. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	+ Nghe hiểu được nội dung các câu đơn, câu mở rộng. + Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.	
- Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
MT45. Nói rõ các tiếng.	- Nói + Phát âm các tiếng của tiếng việt.	
MT46. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...	+ Trả lời và đặt các câu hỏi: " Ai?"; " Cái Gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?"	
MT47. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	+ Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	
MT48. Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	+ Kể lại sự việc.	
MT49. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	
MT50. Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	+ Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. + Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	
MT51. Bắt chước giọng nói của nhân vật trong chuyện.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu	

	cầu, hoàn cảnh giao tiếp	
MT52. Sử dụng các từ: " Vâng ạ"; "dạ"; "Thưa"... trong giao tiếp.	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	
MT53. Nói đủ nghe không nói lí nhí.	+ Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên.	
- Làm quen với việc đọc – viết		
MT54. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...) - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Giữ gìn sách	
MT55. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và " đọc" truyện.	
MT56. Thích vẽ, " viết" nguệch ngoạc.	- Thích vẽ, " viết" nguệch ngoạc.	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
- Thể hiện ý thức về bản thân		
MT57.Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính.	
MT58. Nói được điều bé thích, không thích.	- Những điều bé thích, không thích.	

- Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT59. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	
MT60. Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)	
- Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.		
MT61. Nhận ra cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.	
MT62. Biết thổ lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	
MT 63. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ	- Xem tranh ảnh, video về Bác Hồ	
MT64. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. Biết một số cảnh đẹp di tích lịch sử lễ hội	- Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	
- Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội.		
MT65. Thực hiện một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp và gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ). - Chờ đến lượt. - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột. - Nhận biết hành vi " đúng" – " sai", " tốt" – " xấu".	
MT66. Biết chào hỏi và nói	- Cử chỉ, lời nói lễ phép (chào	

lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	hỏi, cảm ơn)	
MT67. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	
MT68. Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Chơi hòa thuận với bạn.	
- Quan tâm đến môi trường		
MT69. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	- Tiết kiệm điện, nước. - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.	
MT70. Bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
- Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.		
MT71. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi được nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.	
MT72. Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc; thích nghe đọc thơ, đồng dao, cao dao, tục ngữ; thích nghe kể câu chuyện.	- Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc	
MT73. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình	Bộc lộ cảm xúc khi ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ	

dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	thuật.	
- Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT74. Hát tự nhiên, hát theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). - Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	
MT75. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	
MT76. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	
MT77. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.	
MT78. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	
MT79. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản.	
MT80. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	- Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	
MT81. Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình.	
- Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật *(âm nhạc, tạo hình)*		
MT82.Vận động theo ý thích	- Vận động theo ý thích khi hát/	

các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	
MT83.Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	
MT84. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	

III. ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 4-5 TUỔI

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

Tên chủ đề	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
Ổn định rèn nề nếp	Đưa trẻ vào nề nếp	1	Từ 7/9/2026 đến 11/9/2026
Trường mầm non 3 tuần (Từ ngày 14/09-2/10/2026)	Công việc của các cô, bác trong trường MN	1	Từ 14/09/2026 đến 18/09/2026
	Bé vui tết trung thu	1	Từ 21/09/2026 đến 25/09/2026
	Lớp học của bé	1	Từ 28/09/2026 đến 2/10/2026
Bản Thân 4 tuần (Từ ngày 5/10-23/10/2026)	Tôi là ai	1	Từ 5/10/2026 đến 09/10/2026
	Các bộ phận trên cơ thể bé	1	Từ 12/10/2026 đến 16/10/2026
	Giác quan của bé	1	Từ 19/10/26 đến 23/10/2026
	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	1	Từ 26/10/2026 đến 30/10/2026
Nghề nghiệp 4 tuần (Từ ngày 2/11-27/11/2026)	Nghề sản xuất	1	Từ 02/11/2026 đến 06/11/2026
	Nghề dịch vụ	1	Từ 09/11/2026 đến 13/11/2026
	Nghề giáo viên	1	Từ 16/11/22026 đến 20/11/2026
	Nghề truyền thống của địa phương	1	Từ 23/11/2026 đến 27/11/2026
Gia Đình 4 tuần (Từ ngày 30/11–	Gia đình thân yêu	1	Từ 30/11/2026 đến 04/12/2026
	Ngôi nhà gia đình ở	1	Từ 07/12/2026 đến 11/12/2026
	Một số đồ dùng gia đình	1	Từ 14/12/2026 đến 18/12/2026

25/12/2026)	Nhu cầu của gia đình	1	Từ 21/12/2026 đến 25/12/2026
Thế giới động vật **4 tuần** (Từ 28/12/2026-22/01/2027)	Động vật nuôi trong gia đình	1	Từ 28/12/2026 đến 01 /1/2027
	Động vật sống dưới nước	1	Từ 04/01/2027 đến 8/01/2027
	Động vật sống trong rừng	1	Từ 11/01/2027 đến 15/01/2027
	Chim	1	Từ 18/1/2027 đến 22/01/2027
Thế giới thực vật **4 tuần** (Từ ngày 25/01 - 26/02//2027) DK nghỉ tết từ 04//2 đến 10/02/2027	Một sô loại hoa	1	Từ 25/01/2027 đến 29/01/2027
	Cây xanh	1	Từ 01/02/2027 đến 03 02/2027
	Tết và mùa xuân	1	Từ 15/02/2027 đến 19/02/2027
	Một số loại quả	1	Từ 22/02/2026 đến 26/02/2027
Giao thông **4 tuần** (Từ ngày: 1/03 - 26/03/2027)	Phương tiện giao thông đường bộ	1	Từ 01/03/2027 đến 05/03/2027
	Phương tiện giao thông đường không	1	Từ 08/03/2027 đến 12/03/2027
	Phương tiện giao thông đường thủy	1	Từ 15/03/2027 đến 19/03/2027
	Quy định giao thông	1	Từ 22/03/2026 đến 26/03/2027
Nước và HTTN **4 tuần** (Từ ngày 29/03 - 23/04/2027)	Một số nguồn nước	1	Từ 29/03/2027 đến 02/04/2027
	Mùa hè	1	Từ 05/04/2027 đến 09/04/2027
	Trang phục phù hợp với thời tiết	1	Từ 12/04/2027 đến 16/04/2027
	Một số hiện tượng thời tiết	1	Từ 19/04/2027 đến 23/04/2027
Quê hương- Đất nước- Bác Hồ **4 tuần** (Từ ngày 26/04 - 21/05/2027	Nam Định thân yêu	1	Từ 26/04/2027 đến 30/04/2027
	Đặc sản quê hương Nam Định	1	Từ 03/05/2027 đến 07/05/2027
	Đất nước diệu kỳ	1	Từ 10/05/2027 đến 14/05/2027
	Bác Hồ kính yêu	1	Từ 17/05/2027 đến 21/05/2027
Cộng		**35**	

2. 2. Mục tiêu, nội dung hoạt động khối mẫu giáo 4-5 tuổi

Mục tiêu	Nội dung	Điều chỉnh Bổ sung
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
- *Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.* Cân nặng: + Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg + Trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg Chiều cao: + Trẻ trai: 100,7 - 119,2 kg + Trẻ gái: 99,9 - 118,9 kg	+ Khẩu phần ăn đảm bảo: 615-726 Kclo/ngày (tại trường Mầm non). + Ăn 1 bữa chính, 1 bữa phụ/ lớp. + Cân đo theo quý + Theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng + Khám sức khỏe định kỳ. + Phòng tránh các bệnh cho trẻ.	
a) Phát triển vận động		
1. Thực hiện được động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1: Trẻ có thể thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	* Các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp: - Hô hấp: + Hít vào sâu, thở ra. - Tay: + 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau(phía trước, phía sau, trên đầu) - Lưng, bụng, lườn: + Nghiêng người sang hai bên. + Quay người sang hai bên. + Đứng cúi người về phía trước. - Chân: + Nhún chân + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu	

	gối	
2. Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động		
MT2: Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi được thực hiện vận động**:**	- Đi thăng bằng trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m	
MT3: Trẻ biết kiểm soát được vận động	- Đi /chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi/ chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc, theo vật chuẩn - Đi bước dồn ngang - Đi bước dồn trước	
MT4: Trẻ biết phối hợp tay mắt trong vận động	-Tung bắt bóng với người đối diên -Tung bóng lên cao và bắt - Đập và bắt bóng tại chỗ 4-5 lần - Ném trúng đích bằng 1 tay, - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Chuyền bắt bóng qua đầu, qua chân - Lăn bóng và di chuyển theo bóng - Bật xa- ném xa- chạy nhanh 10 mét	
MT5: Trẻ thể hiện nhanh, mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10giây -Chạy chậm 60-80mét -Ném trúng đích ngang(xa 2mét) -Bò trong đường dích dắc 3-4 điểm dích dắc, cách nhau 2mét) -Bò dích dắc qua 5 điểm -Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6 m -Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4 m -Trườn theo hướng thẳng -Trèo qua ghế 1,5m x 30cm -Trèo lên, xuống 5 dóng thang	

	-Bật xa 35-40cm -Bât- nhảy từ trên cao xuống(Cao30-35cm) -Bật tách-khép chân qua 5 ô -Bật qua vật cản cao10-15cm -Nhảy lò cò 3m -Bật liên tục về phía trước - Ném trúng đích thẳng đứng - Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế thể dục - Bật liên tục qua 5 vạch kẻ - Trèo thang, chạy chậm 80m-100m	
3. Thực hiện và phối hợp các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt		
MT6: Trẻ biết thực hiện được các vận động - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay - Gập, mở lần lượt từng ngón tay	-Cuộn , xoay tròn cổ tay -Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gắn, nối -Gập mở các ngón tay	
MT7: Trẻ biết phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay , phối hợp tay mắt trong một số hoạt động	-Vẽ hình người, nhà, cây,cắt thành thạo theo đường thẳng -Xây dựng lắp ráp10-12 khối -Biết tết sợi đôi -Cài, cởi cúc, xâu, buộc dây, gập giấy	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khoẻ		
1. Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khoẻ		
MT8: Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm	-Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá , trứng , sữa -Thực phẩm giàu chất tinh bột:Gạo,	

	ngô, khoai , sắn - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau xanh, các loại quả… -Thực phẩm giàu chất béo: Mở , dầu, lạc, vừng	
MT9: Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh, gạo nấu cơm, nấu cháo	- Nói được tên một số món quen thuộc: món luộc, xào, rán, nấu..	
MT10: Trẻ biết ăn để chóng lớn khỏe mạnh thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	- Nhận biết ích lợi của của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất - Nhận biết các bữa ăn trong ngày	
2. Thực hiện được một số việc tự phục vụ đơn giản		
MT11: Trẻ biết thực hiện một số việc khi được nhắc nhở	-Tự rửa tay bằng xà phòng -Tự lau mặt đánh răng - Tự thay quần áo khi ướt, bẩn	
MT12: Trẻ biết tự cầm bát thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi đổ thức ăn	- Cầm bát thìa đúng cách: Tay phải cầm thìa, tay trái giữ bát	
3. Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khoẻ		
MT13: Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống , không ăn các thức ăn có mùi ôi thiu,không uống nước lã.	- Biết mời cô mời bạn khi ăn , không nói chuyện khi ăn, ăn hết suất không làm rơi vãi, ăn từ tốn nhai kĩ -Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau -Không uống nước lã, ăn thức ăn có	

	mùi ôi thiu	
MT14: Trẻ biết một số hành vi tốt trong vệ sinh phòng bệnh khi được nhắc nhở , tự rửa tay lau mặt đánh răng	- Vệ sinh răng miệng, - Đội mũ khi ra nắng - Rửa tay bằng xà phòng , đi vệ sinh đúng nơi quy định - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Bỏ rác đúng nơi qui định	
4. Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh		
MT15: Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng... là nguy hiểm, không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	- Không nghịch và đến gần những vật dụng nguy hiểm như: bếp đang đun, bàn là, phích nước nóng, các vật sắc nhọn như: dao, kéo...	
MT16: Trẻ biết nhận ra những nơi (hồ ao, bể nước, giếng, suối là nơi nguy hiểm không được chơi gần	- Những khu vực hồ, ao, giếng , sông suối là nơi không an toàn.	
MT17: Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	- Không cười đùa trong khi ăn, uống khi ăn các loại quả có hạt - Không ăn thức ăn có mùi ôi thiu, không ăn lá, quả lạ…không uống rượu bia, càphê, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo	
MT18: Trẻ biết nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng…là nguy hiểm không đến gần. Biết không nên	- Bếp đang đun, bàn là đang nóng, ổ điện, bếp ga, - Các vật sắc nhọn: Dao, kéo, kim …	

nghịch các vật sắc nhọn .		
MT19: Trẻ có thể nhận ra một sô trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ	- Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: Cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc.Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
a) Khám phá khoa học		
1. Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
MT20: Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng:" Vì sao cây lại héo; vì sao cây lại ướt"…	+ Khám phá, tìm hiểu về: tên gọi, nói được đặc điểm, công dụng, cách sử dụng của một số đồ dùng đồ chơi (ở trường, lớp, gia đình) và các phương tiện giao thông. + Quan sát nhóm cây cối, con vật. + Tìm hiểu đặc điểm, lợi ích và tác hại của động vật, thực vật.	
MT21: Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, ngửi, sờ, nếm để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng…	+ Quan sát các hiện tượng tự nhiên vào thời điểm ban ngày và buổi tối. + Tìm hiểu một số nguồn nước có trong môi trường sống. + Khám phá đặc điểm, tính chất của nước. + Tìm hiểu: Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Tìm hiểu ánh sáng từ điện + Tìm hiểu ánh sáng từ mặt trời. + Nhận biết một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng đồ chơi và các phương tiện giao thông quen thuộc. - Tìm hiểu mùa hè	

	- Tìm hiểu một số món ăn đặc sản, nghề truyền thống của địa phương	
MT22: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu, đường, muối và nước,dự đoán, quan sát, so sánh	- Khám phá đặc điểm, tính chất của màu, đường, muối	
MT23: Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách tranh ảnh,nhận xét và trò chuyện	-Đặc điểm, công dụng đồ dùng đồ chơi, cây cối, con vật gần gũi phù hợp với lứa tuổi -Một số hiện tượng thời tiết theo mùa - Một số nghề phổ biến trong xã hội	
MT24: Trẻ biết phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu	-Sự giống và khác nhau của 2-3 đồ dùng đồ chơi -Phân loại đồ dùng đồ chơi, phương tiện giao thông theo1-2 dấu hiệu	
2. Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản		
MT25: Trẻ biết nhận xét được một mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi: Ví dụ: cho thêm đường, muối nên nước ngọt , mặn hơn	-Mối liên hệ giữ đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi -Sự khác nhau giữ ngày và đêm -Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó tới sinh hoạt của con người	
MT26: Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn	-Giải thích các hiện tượng nước bốc hơi lấy tấm kính chắn lên, cách lấy nước vào chai, hiện tượng vật nổi vật chìm…	
3. Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau		
MT 27: Nhận xét, trò chuyện	-Xanh, đỏ, trắng ,vàng	

về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát		
MT 28: Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	-Hình dáng, màu sắc,tiếng kêu, thức ăn, môi trường sống của con vật cây, hoa, quả	
b) Làm quen với một số KN sơ đẳng về toán		
1. Nhận biết số đếm và số lượng		
MT29: Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như đếm các vật ở xung quanh, hỏi : " Bao nhiêu," " Là số mấy"	- Đếm số lượng con vật, đồ dùng, đồ chơi trong lớp - Đặt câu hỏi về số lượng	
MT30: Trẻ biết đếm trên các đối tượng trong phạm vi 10	-Nhận biết số đếm, số lượng trong phạm vi 10 -Đếm theo khả năng	
MT31: Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ : Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	-Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi - So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng, thêm bớt để tạo sự bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	
MT32: Trẻ biết gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả	-Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	
MT33: Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn	-Tách một nhóm đối tượng thành các nhom nhỏ hơn	
MT34: Trẻ biết sử dụng số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự	-Đếm số tương ứng với số lượng trong làm quen với toán	
MT35: Trẻ biết nhận biết ý nghĩa các con số được sử	-Nhận biết ý nghĩ các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngay(số	

dụng trong cuộc sống hàng ngày	nhà, biển số xe)	
2. Sắp xếp theo quy tắc		
MT36: Trẻ biết nhận ra quy tăc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	-So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc - So sánh sắp thứ tự chiều dài của 3 đối tượng - So sánh sắp thứ tự về chiều rộng của 3 đối tượng - Ôn so sánh kích thước của các đối tượng	
3. So sánh hai đối tượng		
MT37: Trẻ sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh	Đo độ dài bằng một đơn vị đo: thước, dây Đo dung tích bằng đơn vị đo: bình, lọ So sánh chiều rộng của 2 đối tượng	
4. Nhận biết hình dạng		
MT38 : Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa 2 hình tròn và tam giác, vuông và chữ nhật..	So sánh sự giống nhau, khác nhau của các hình: hình tròn, hình vuông, hình chữ nhật, hình tam giác Dạy trẻ phân biệt hình tròn và hình vuông, hình vuông và hình chữ nhật, Ôn tập nhận biết các hình	
MT39: Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	
MT40: Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác: Phía trước- Phía sau; Phía trên- Phía dưới; Phía phải- Phía trái. Dạy trẻ xác định vị trí của đồ vật so với trẻ khác	

MT41: Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	Nhận biết các buổi: Sáng, trưa, chiều, tối.	
c) Khám phá xã hội		
1. Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
MT42: Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	Họ, tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	
MT43: Trẻ nói họ tên và công việc của bố mẹ và các thành viên trong gia đình khi được hỏi trò chuyện, xem ảnh về gia đình	Họ, tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình.	
MT44: Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình(số nhà, đường phố, thôn xóm) khi được hỏi, trò chuyện	Địa chỉ gia đình trẻ đang sống (số nhà, đường phố, thôn xóm).	
MT45: Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường/ lớp khi được hỏi, trò chuyện	Tên, địa chỉ của trường, lớp.	
MT46: Trẻ nói tên được một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường: Bác hiệu trưởng, hiệu phó, bảo vệ, lao công.	
MT47:Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi trò chuyện	Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn. Các hoạt động của trẻ ở trường.	
2. Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương		
MT48: Trẻ biết kể tên công việc, công cụ , sản phẩm ích lợi của một số nghề khi được	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thốngở địa phương:	

hỏi trò chuyện	Nghề may, nghề dệt; bác sỹ, công an…	
3. Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh		
MT49: Trẻ biết kể tên và nói được đặc điểm của một số ngày lễ hội	Đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ hội Ngày khai giảng: Là ngày hội toàn dân đưa trẻ đến trường. Ngày 1/6: Là ngày Tết của thiếu nhi. Ngày tết Trung Thu Ngày 2/9; ngày 20/11; ngày 22/12…	
MT50: Trẻ biết kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp , di tích lịch sử của địa phương	Đền Trần thờ các vị vua nhà Trần. Tượng đài Trần Hưng Đạo, Hồ Vị Xuyên, Sân vận động Thiên Trường…	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
1. Nghe hiểu lời nói		
MT51: Trẻ biết thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ :"Cháu hãy lấy hinh tròn màu đỏ găn vào bông hoa màu vàng"	Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	
MT52: Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát : rau quả, con vật, đồ gỗ	Nghe, hiểu lời nói chỉ người, sự vật, hiện tượng; hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng phù hợp với lứa tuổi	
MT53: Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	Nghe, hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. Các bàihát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. Trả lời và đặt các câu hỏi: Ai? Cái gì? Ở đâu?...	
2. Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		

MT54: Nói rõ để người nghe có thể hiểu được	Phát âm các tiếng có chứa các âm khó.	
MT55: Trẻ biết **s**ử dụng được các từ chỉ sự vật, đặc điểm, hoạt động	- Sử dụng các từ chỉ sự vật	
MT56: Trẻ biết Sử dụng được các loại câu đơn , câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định	Nghe, hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	
MT57: Trẻ biết Kể lại sự việc theo trình tự	Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	
MT58: Trẻ biết Đọc thuộc bài thơ, đồng dao,ca dao	Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò, vè về con vật, cây cối, thiên nhiên phù hợp với độ tuổi.	
MT59: Trẻ biết Kể chuyện có mở đầu kết thúc	Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách	
MT60: Trẻ biết Bắt chước giọng nói điệu bộ của nhân vật trong truyện	Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh, thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với hoàn cảnh.	
MT61: Trẻ biết Sử dụng các từ: mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp	Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	
MT62: Trẻ biết Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở	Nói to, nhỏ, thì thầm phù hợp với hoàn cảnh giao tiếp.	
3. Làm quen với việc đọc – viết		
MT63: Trẻ biết Chọn sách để xem	Xem và nghe, đọc các loại sách khác nhau. Giữ gìn, bảo vệ sách.	
MT64: Trẻ biết Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh	"Đọc" truyện qua các tranh ảnh phù hợp với lứa tuổi.	
MT65: Trẻ biết Cầm sách	Làm quen với cách đọc và viết tiếng	

đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. ‘ đọc” sách theo tranh minh họa	việt. Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. Hướng viết của các nét chữ; Đọc ngắt nghỉ sau các dấu	
MT66: Trẻ biết nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm v.v…	Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ)	
MT67: trẻ biết sử dụng ký hiệu để “ viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng	Nhận dạng một số chữ cái. Tập tô, tập đồ các nét chữ.	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI		
1. Thể hiện ý thức về bản thân		
MT68: Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, tên bố mẹ	Tên, tuổi, giới tính.	
MT69: Nói được điều bé thích, không thích những việc bé có thể làm được	Sở thích, khả năng của bản thân.	
2. Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT70: Trẻ biết tự chọn đò chơi, trò chơi theo ý thích	Sở thích của bản thân.	
MT71: Trẻ biết cố gắng hoàn thành công việc được giao(Trực nhật, dọn đồ chơi)	Thể hiện năng lực của bản thân trong các hoạt động phù hợp.	
3. Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT72: Trẻ biết nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận ngạc nhiên qua nét mặt , giọng nói qua tranh ảnh	Nhận biết một số trạng thái cảm xúc, thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh, với một bài thơ câu chuyện hay. Biểu lộ cảm xúc vui tươi khi tham gia	

	hát, múa.	
Mt73: Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên	Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ giọng nói; trò chơi; hát vận động; vẽ; nận; xếp hình.	
MT74: Trẻ biết nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ	Kính yêu Bác Hồ.	
MT75: Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	Cho trẻ hát, đọc thơ, kể truyện các bài hát, bài thơ, câu chuyện có nội dung về Bác Hồ.	
MT76: Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước	Vịnh Hạ Long; Chùa Non Nước; Lăng Bác; Thủ dô Hà Nội…	
4. Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT77: Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn , vâng lời ông bà bố mẹ	Một số quy định ở lớp: Để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ… Một số quy định ở gia đình: Vâng lời ông bà, cha mẹ; Trước khi ăn cơm phải mời…	
MT78: Trẻ biết nói lời cảm ơn, xin lỗi chào hỏi lễ phép	Trẻ sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép Phân biệt hành vi đúng sai, tốt, xấu. Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình	
MT79: Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói	Lắng nghe ý kiến của người khác.	
MT80: Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở	Chờ đến lượt.	
MT81: Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật….)	Hợp tác với bạn trong các hoạt động Quan tâm, giúp đỡ bạn.	

5. Quan tâm đến môi trường		
MT82: Trẻ thích chăm sóc cây con vật thân thuộc	Chăm sóc, bảo vệ con vật, cây cối thân thuộc.	
MT83: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định	Giữ gìn vệ sinh môi trường.	
MT84: Trẻ biết không bẻ cành ngắt hoa	Quan tâm đến môi trường, cảnh quan.	
MT85: Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	Tiết kiệm điện nước.	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
1. Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
MT86: Trẻ biết vui sướng, vỗ tay làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng	Cảm nhận và thể hiện cảm xúc khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của thiên nhiên.	
MT87: Trẻ biết chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay nhún nhẩy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc	- Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe các bài hát, bài nhạc	
MT88: Trẻ biết thích thú ngắm nhìn , chỉ, sờ, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc hình dáng…)của các tác phẩm tạo hình	-Nhận xét sản phẩm tạo hình	
2. Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình		
MT89: Trẻ biết hát đúng giai điệu lời ca, hát rõ lời và thể	Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (nghe hát, vận động theo nhạc).	

hiện săc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt điệu bộ		
MT90: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo, nhịp, tiết tấu, múa)	Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc (vận động theo nhạc). Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điêu của bài hát. Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu chậm.	
MT91: Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình (đất nặn, màu vẽ…), vật liệu trong thiên nhiên(lá cây, rơm…) để tạo ra các sản phẩm.	
MT92: Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	Sử dụng, phối hợp các kỹ năng vẽ trong hoạt động tạo hình. Trẻ biết tô màu đều mịn không chờm ra ngoài	
MT93: Trẻ biết xé cắt theo đường thẳng , đường cong…..và dán thành sản phẩm có màu sắc bộ cục	Sử dụng các kỹ năng xé dán, cắt để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	
MT94: Trẻ biết làm lõm, dỗ bẹt,bẻ loe, vuốt nhọn uốn cong đất nặn để nặn thành các sản phẩm có nhiều chi tiết	Sử dụng các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	
MT95: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng màu sắc khác nhau	Sử dụng các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	
MT96: Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc ,đường nét, hình dáng	Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc ,đường nét, hình dáng	

3. Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật *(âm nhạc, tạo hình)*		
MT97: Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiên hình thứcvận động theo bài hát, bản nhạc	Sáng tạo khi tham gia cá hoạt động nghệ thuật: Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc(múa, vỗ tay theo nhịp, phách…)	
MT98: Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát	Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát (Xắc xô, thanh gõ, trống, lắc…)	
MT99: Trẻ biết nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích	Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.	
MT100: Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	Đặt tên cho sản phẩm của mình.	

VI. ĐỘ TUỔI MẪU GIÁO 5-6 TUỔI

1. Dự kiến các chủ đề/ sự kiện

TT	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	**Trường mầm non** (3 tuần)	- Trường mầm non	1	Từ 07/09 - 11/09/2026
		- Tết trung thu	1	Từ 14/09 - 18/09/2026
		- Lớp học của bé	1	Từ 21/09 - 25/09/2026
2	**Bản thân** (3 tuần)	- Tôi là ai	1	Từ 28/09 - 02/10/2026
		- Các bộ phận trên cơ thể tôi	1	Từ 05/10 - 09/10/2026
		- Tôi cần gì lớn lên và khỏe mạnh	1	Từ 12/10 - 16/10/2026
3	**Nghề nghiệp** (4 tuần)	- Nghề thợ may, nghề dệt, thợ mộc	1	Từ 19/10 - 23/10/2026
		- Nghề làm đầu, bán hàng	1	Từ 26/10 - 30/10/2026

		- Nghề làm ruộng làm vườn	1	Từ 02/11 - 06/11/2026
		- Ngày nhà giáo VN	1	Từ 09/11 - 13/11/2026
4	**Gia đình** (4 tuần)	- Ngôi nhà của gia đình bé	1	Từ 16/11 - 20/11/2026
		- Gia đình thân yêu	1	Từ 23/11 - 27/11/2026
		- Đồ dùng trong gia đình bé	1	Từ 30/11 - 04/12/2026
		- Họ hàng của gia đình bé	1	Từ 07/12 - 11/12/2026
5	**Động vật** (4 tuần)	- Những vật nuôi trong gia đình bé	1	Từ 14/12 - 18/12/2026
		- Bé biết con vật gì sống dưới nước	1	Từ 21/12 - 25/12/2026
		- Những con vật của rừng xanh	1	Từ 28/12 - 01/01/2027
		- Một số con côn trùng và chim	1	Từ 04/01 - 08/01/2027
6	**Thực vật** (4 tuần)	- Một số loại rau củ quả	1	Từ 11/01 - 15/01/2027
		- Một số cây lương thực	1	Từ 18/01 - 22/01/2027
		- Cây cho hoa	1	Từ 25/01 - 29/01/2027
		- Tết và mùa xuân	1	Từ 01/02 - 05/02/2027
(DK Nghỉ tết từ 04/02-10/02/2027)				
7	**Giao thông** (4 tuần)	- Máy bay	1	Từ 15/02 - 19/02/2027
		- Một số phương tiện giao thông	1	Từ 22/02 - 26/02/2027
		- Ô tô	1	Từ 01/03 - 05/03/2027
		- Biển báo và luật giao thông	1	Từ 08/03 - 12/03/2027
8	**Nước và hiện tượng tự nhiên** (3 tuần)	- Nước	1	Từ 15/03 - 19/03/2027
		- Thời tiết và mùa	1	Từ 22/03 - 26/03/2027
		- Bé với vũ trụ	1	Từ 29/03 - 02/04/2027
9	**Quê hương- Đất nước- Bác Hồ** (4 tuần)	- Nam Định quê hương thân yêu	1	Từ 05/04 - 09/04/2027
		- Đất nước Việt Nam	1	Từ 12/04 - 16/04/2027
		- Ngày hội đọc sách	1	Từ 19/04 - 23/04/2027
		- Bác Hồ kính yêu	1	Từ 26/04 - 30/04/2027

10	**Trường tiểu học** (2 tuần)	- Trường học mới của bé - Bé chuẩn bị đồ dùng học tập	1 1	Từ 03/05 - 07/05/2027 Từ 10/05 - 14/05/2027
Cộng			35	

2. 2. Mục tiêu, nội dung hoạt động khối mẫu giáo 5-6 tuổi

Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh Bổ sung
***GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT**		
- *Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.* Cân nặng: + Trẻ trai: 15,9- 27,1 kg + Trẻ gái: 15,3 – 25,8kg Chiều cao: + Trẻ trai: 106,1- 125,8kg + Trẻ gái: 104 – 125,4kg	+ Khẩu phần ăn đảm bảo: 735 - 882 Kclo/ngày (tại trường Mầm non). + Ăn 2 bữa chính, 1 bữa phụ/ lớp. + Cân đo theo quý + Theo dõi sức khỏe trên biểu đồ tăng trưởng + Khám sức khỏe định kỳ. + Phòng tránh các bệnh cho trẻ.	
*** Phát triển vận động**		
- Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
MT1: Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát, bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: tay, bụng ,chân, bật	
- Thể hiện kỹ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động.		
MT2: Trẻ thực hiện được giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:	- Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuỵu gối - Đi trên dây(dây đặt trên sàn)	

	- Đi nối bàn chân tiến lùi - Đi trên ván kê dốc(dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3 - Đi trên ghế thể dục, đầu đội túi cát. - Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây	
MT3: Trẻ thực hiện được Nhảy lò cò ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu **(CS9)**	- Nhảy lò cò tại chỗ, về phía trước.	
MT4: Trẻ thực hiện được Bật xa tối thiểu 50cm(**CS1**)	- Bật xa khoảng 50 cm.	
MT5:Trẻ thực hiện được Đập và bắt được bóng bằng 2 tay (**CS10)**	- Đập bắt bóng tại chỗ.	
MT6: Trẻ thực hiện được Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây **(CS12)**	-Chạy 18m trong khoảng thời gian 5-7 giây	
MT7: Trẻ thực hiện được Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản **(CS7)**	-Cắt các hình tròn, vuông, tam giác.	
MT8: Trẻ thực hiện được Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian(**CS13)**	- Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.	
MT9: Trẻ thực hiện được Nhảy xuống từ độ cao 40cm**(CS2)**	- Bật -Nhảy xuống từ độ cao 40cm	
MT10: Trẻ thực hiện được Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa tối thiểu 4m **(CS3)**	- Ném và bắt bóng bằng hai tay từ khoảng cách xa tối thiểu 4m **(CS3)**	
MT11: Trẻ thực hiện được trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với	- Trèo lên xuống 7 gióng thang.	

mặt đất(**CS4)**		
MT12: Trẻ đi thăng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m(**CS11)**	-Đi thăng bằng trên ghế thể dục.	
MT13: Trẻ kiểm soát được vận động	- Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng theo hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần - Chạy chậm khoảng 100-120m	
MT14: Phối hợp tay mắt trong các vận động	- Ném trúng đích bằng 1 tay hoặc 2tay. - Ném xa bằng một tay, hai tay - Chuyền bóng qua đầu hoặc qua chân - Tung bóng lên cao và bắt -Tung đập bắt bóng tại chỗ	
MT15: Thể hiện nhanh ,mạnh khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Ném trúng đích đứng - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4m-5m -Bò chui qua ống dài 1.5mx0.6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx0,6m -Bật nhảy; - Bật liên tục vào vòng - Bật xa 40-50cm - Bật nhảy từ trên cao xuống - Bật tách và khép chân - Bật liên tục qua vật cản 15-20cm	
MT16: Bò vòng qua 5-6 điểm dích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu	- Bò dích dắc qua 5-6 điểm.	
-Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay,		

phối hợp tay – mắt		
MT17: Trẻ thực hiện được Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn **(CS8)**	Dán các hình cắt sẵn vào vị trí cho trước.	
MT18: Trẻ thực hiện được Tô màu kín, không chờm ra ngoài đường viền các hình vẽ(**CS6)**	- Tô kín các hình vẽ đen trắng bằng bút sáp không chờm ra ngoài hình.	
MT19: Trẻ gập mở lần lượt từng ngón tay	- Đếm thứ tự các ngón tay - Thực hiện các động tác múa, vận động theo nhạc	
MT20: Trẻ biết vẽ hình và sao chép các chữ cái và số	- Vẽ hình tam giác, hình tròn, hình vuông, sao chép các chữ cái và số	
MT21: Trẻ biết xếp chồng 12-15 khối theo mẫu	- Xây dựng các công trình bằng các khối...	
MT 22: Trẻ biết ghép và dán hình đã cắt theo mẫu	- Ghép tranh theo mẫu	
MT23: Trẻ biết tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc mu tuya	- Rèn kỹ năng :cài, cởi cúc, kéo khóa, xâu, luồn, buộc dây	
*** Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**		
- Biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.		
MT24: Trẻ biết lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm(thực phẩm giàu chất đạm, thực phẩm giàu vitamin)	- Nhận biết, phân loại mốt số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm :	
MT25: Trẻ biết kể tên một số thức ăn cần có trong bữa ăn hằng	- Nhận biết một số món ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ	

ngày**(CS19)**	lượng, đủ chất	
- Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
MT26:Trẻ biết rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn(**CS15)**	- Rèn thói quen rửa tay bằng xà phòng trước và sau khi ăn, sau khi đi vệ sinh, sau khi chơi ngoài trời, lao động v.v…	
MT27 : Trẻ biết tự mặc, cởi được áo, quần **(CS5)**	- Rèn luyện kỹ năng tự thay, mặc quần áo	
MT28 : Trẻ biết tự rửa mặt và chải răng hằng ngày**(CS16)**	- Bảo vệ và giữ gìn thân thể: rèn luyện kỹ năng đánh răng, lau mặt , rửa tay bằng xà phòng	
MT29: Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Biết sử dụng bát , thìa ,cốc theo đúng chức năng	
Có một số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữu gìn sức khỏe		
MT30: Trẻ biết giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng**(CS18)**	- Tập luyện một số thói quen tốt giữ gìn quần áo đầu tóc gọn gàng sạch sẽ.	
MT31: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	- Rèn luyện thói quen ăn uống vệ sinh văn minh : không nói chuyện khi ăn,ăn hết xuất không văng vãi….	
MT32: Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh	- Rèn luyện thói quen cho trẻ: lau mặt,rửa tay bằng xã phòng, giữ gìn vệ sinh môi trường.	
MT33: Trẻ biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp **(CS17)**	- Tập luyện một số thói quen văn minh vệ sinh	
Biết một số nguy cơ không an toàn		

và phòng tránh		
MT34: Trẻ biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm (**CS22)**	- Nhận biết một số việc làm có thể gây nguy hiểm với trẻ : chơi với lửa, xăng, điện,vật sắc nhọn…	
MT35: Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm.**(CS21)**	Một số vật dụng nguy hiểm (Trò chuyện, quan sát, nhận biết, tìm hiểu, khám phá...). + An toàn khi sử dụng các đồ dùng trong gia đình. + An toàn khi sử dụng dao...	
MT36: Trẻ biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm(**CS25)**	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ + Một số tình huống ứng phó khi gặp người lạ.	
MT37: Trẻ biết và không ăn, uống một số thứ có hại cho sức khỏe**.(CS20)**	- Không ăn thực ăn ôi thiu, thức ăn bày bán ở cổng trường không uống nước lã,thức uống có hại cho cơ thể …..	
MT38: Trẻ hiểu được không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép(**CS24)**	- Giải quyết một số tình huống :nhận quà người lạ, không đi theo người lạ ..	
MT39: Trẻ biết ý thức được không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm (**CS23)**	- Không đến gần những nơi nguy hiểm: ao hồ sông, suối, cột điện, đường quốc lộ, đường tàu, bãi rác, vũng bùn …	
MT40: Trẻ biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc(**CS26)**	- Nhận biết mối nguy hại từ thuốc lá	
MT41: Trẻ biết thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	- Tập luyện một số thói quen tốt và giữ gìn sứa khỏe	

	- Đi vệ sinh, bỏ rác đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách - Không khạc nhổ,ngắt hoa bẻ cành… -Thực hiện an toàn giao thông	
MT 42: Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	Biết: Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc. Biết không tự ý uống thuốc	
MT 43- Trẻ biết địa chỉ ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	-Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC.		
MT44:Thích khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh(**CS113)**	- Thích cái mới, nhận ra những thay đổi mới xung quanh, thích thử công dụng của sự vật, tháo, lắp lại cấu tạo của sự vật. Đặt câu hỏi: Cái gì đây? Để làm gì? Như thế nào? Tại sao?	
MT45: Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	- Tìm tòi khám phá các đối tượng động vật , thực vật, vấn đề về tự nhiên và xã hội thông qua sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.	
MT 46: Nhận xét thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	- Nêu lên được sự giống nhau và khác nhau của con vật, đồ vật, các loại phương tiện giao thông……	
Khám phá khoa học		
Các bộ phận của cơ thể con người		
MT47: Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác	- Sử dụng giác quan: tri giác, thính giác, vị giác, khứu giác,thị giác khám phá đối tượng	

quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả… và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.		
MT48: Nói đúng họ tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện + Có một số hiểu biết cơ bản về bản thân, những bộ phận trên cơ thể và chức năng của từng bộ phận	-Trẻ mạnh dạn nói đúng họ tên, ngày sinh giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - Trẻ biết bộ phận trên cơ thể, chức năng của các bộ phận mắt để nhìn, tai để nghe, mũi để ngửi…..	
Đồ vật - Đồ dùng, đồ chơi		
MT49:Trẻ có thể phân loại được một số đồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng (**CS96)**	- Trẻ nói được công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường. Xếp và gọi tên nhóm đồ dùng đúng theo công dụng hoặc chất liệu.	
MT50:Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát(**CS117)**	- Đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát. - Trẻ đặt tên mới cho câu chuyện, biết mở đầu, tiếp tục, kết thúc câu chuyện theo các cách khác nhau nhưng không mất đi ý nghĩa câu chuyện.	
Phương tiện giao thông		
MT51:Trẻ biết ý nghĩa một số ký hiệu, biểu tượng trong cuộc sống **(CS82)**	- Nhận biết được các kí hiệu quen thuộc: Đồ dùng cá nhân, biển báo giao thông. - Trẻ nhận ra và biết được ý nghiã của các kí hiệu quen thuộc: Đồ dùng cá nhân, biển báo giao thông, thời tiết, nhà vệ sinh…	
Động vật và thực vật		

MT52: Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung **(CS92)**	- Gọi tên các con vật- cây cối gần gũi xung quanh. Tìm được đặc điểm chung của 3 -4 con vật, cây cối	
MT53: Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật, và hiện tượng tự nhiên(CS93)	Nói được sự thay đổi của các giai đoạn phát triển của cây	
MT54: Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật quen thuộc **(CS39)**	- Thích chăm sóc cây, quan tâm theo dõi sự phát triển của cây - Chăm sóc các con vật quen thộc, cho ăn, chơi đùa, vuốt ve, âu yếm chúng	
Một số hiện tượng tự nhiên		
MT55:Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra **(CS95)**	- Nói được hiện tượng và giải thích được dự đoán của mình.	
MT56:Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày (**CS114)**	- Phát hiện ra hiện tượng, nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. - Giải thích bằng mẫu câu: "Tại vì…nên…	
MT57:Nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống**;(CS94)**	- Gọi tên và nêu được đặc điểm đặc trưng của các mùa. Nêu được sự khác biệt cơ bản giữa các mùa.	
Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
MT58:Loại một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại(**CS115)**	- Nhận ra và giải thích được sự khác biệt của 1 đối tượng trong nhóm so với những đối tượng còn lại	
Tập hợp, số lượng, số thứ tự và đếm		
MT59: Quan tâm đến các con số	- Trẻ thích đếm, nhận biết các con	

như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: "Bao nhiêu?, "Đây là mấy".	số trong phạm vi 10	
MT60: Gộp các đối tượng trong phạm vi 10 và đếm	- Trẻ gộp các nhóm đối tượng và đếm	
MT61: Nhận biết các số từ 5 đến 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng và số thứ tự	- Đặt các thẻ số tương ứng với số lượng đối tượng	
MT62: Nhận biết các số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Trẻ nhận biết và đọc được số nhà, biển số xe, số điện thoại của bố mẹ …..biết sử dụng - Số vào trò chơi bán hàng, ghi số lượng hàng hóa …	
MT63:Tách 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm (**CS105**)	- Tách 10 đồ vật thành 2 nhóm ít nhất bằng hai cách khác nhau - Nói được nhóm nào có nhiều hơn/ ít hơn/ bàng nhau	
MT 64:Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10**(CS104)**	- Đếm và nói đúng số lượng trong phạm vi 10. Chọn thẻ chữ số tương ứng với số lượng đếm được.	
Xếp tương ứng		
MT65: Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.(116)	- Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	
MT66: Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Trẻ sắp xếp các đối tượng theo cách của trẻ(khác mẫu của cô)	
So sánh, sắp xếp theo quy tắc		
MT67: Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc (**CS116)**	- Nhận ra quy luật sắp xếp(Hình ảnh, âm thanh, vận động). Tiếp tục đúng quy luật ít nhất được 2 lần lặp lại. Nói tại sao lại sắp xếp	

	như vậy.	
MT68: So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau.	- Trẻ phân thành các nhóm theo các cách khác nhau và nhận xét được tổng các nhóm trong phạm vi 10	
Đo lường		
MT69:Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo **(CS106)**	- Chọn được dụng cụ làm thước đo. Đặt thước đo liên tiếp và nói đúng kết quả đo.	
Hình dạng		
MT70:Trẻ biết chỉ khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật và khối trụ theo yêu cầu**(CS107)**	- Lấy đúng các khối có màu sắc, kích thước khác nhau khi nghe gọi tên. Lấy hoặc chỉ được 1 số vật quen thuộc có dạng hình hình học theo yêu cầu	
Định hướng trong không gian và thời gian		
MT71:Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự(**CS109**)	- Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự.	
MT72:Xác định vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác(**CS108)**	- Nói được vị trí của 1 vật so với vật khác trong không gian - Sắp xếp vị trí của sự vật theo yêu cầu.	
MT73:Phân biệt hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày(**CS110)**	- Nói được hôm nay là thứ mấy, ngày mai là thứ mấy	

MT74:Nói ngày trên lốc lịch và giờ chẵn trên đồng hồ (**CS111)**	- Nói được các sự kiện diễn ra hôm qua , hôm nay và ngày mai - Nói đượclịch đồng hồ dùng để làm gì - Nói được ngày trên lịch, biết lịch giờ chẵn trên đồng hồ	
Khám phá xã hội		
Bản thân, gia đình, trường mầm non, cộng đồng		
MT 75: Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống(CS 97)	- Kể hoặc trả lời được câu hỏi về những địa điểm công cộng: Trường học/ nơi mua sắm/khám bệnh ở nơi trẻ sống…	
MT76: Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Trẻ mạnh dạn nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	
MT77: Trẻ biết mình là anh, chị, em, con, cháu trong gia đình.	Kể được các thành viên trong gia đình, vị trí của bản thân trong gia đình	
MT78:Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Nói đúng địa chỉ của gia đình mình - Trẻ nhận biết được tên trường, biết các khu vực, công việc, hoạt động đồ dùng, đồ chơi trong trường	
MT79: Trẻ nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Phân biệt được các khu vực trong trường và công việc của các cô , các bác trong trường	
MT80: Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi,trò chuyện.	- Nói đúng tên và các đặc điểm của các bạn trong lớp	

MT81: Trẻ biết vâng lời giúp đỡ bố mẹ cô giáo những việc vừa sức	- Tự làm một số công việc tự phục vụ và giúp đỡ mọi người: Lau mặt, rửa tay,m chải đầu…	
Một số nghề trong xã hội		
MT82:Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống (**CS 98)**	- Kể tên, nói được công cụ và sản phẩm của nghề.	
Danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa		
MT83: Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của mỗi dịp lễ hội.	- Nói được tên của một số lễ hội của quê hương Nam Định: hội chợ viềng, hội đền trần và một số ngày lễ hội : Ngày quốc khánh 2-9, tết nguyên đán, ngày giải phòng Miền Nam	
MT84: Trẻ biết một vài cảnh đẹp di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống(trang phục món ăn của quê hương đất nước)	- Kể tên 1 số cảnh đẹp của QH, 1 số món ăn, trang phục truyền thống của các vùng miền	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
Nghe hiểu lời nói		
MT85: Trẻ chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp **(CS74)**	- Khi nói trẻ biết sử dụng diễn đạt thích hợp: cười, cau mày….. những cử chỉ đơn giản như vỗ tay, gật đầu để điễn đạt ý tưởng, suy nghĩ của bản thân. -Trả lời câu hỏi đáp lại bằng cử chỉ, điệu bộ, nét mặt	
MT86:Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức, giận, ngạc nhiên, sợ hãi(**CS61)**	- Nhận ra được thái độ khác nhau: âu yếm,vui vẻ, cáu giận của người nói chuyện với mình qua ngữ điệu khác nhau của người nói+	
MT87: Trẻ nghe hiểu nội dung câu	- Trẻ hiểu ý chính, kể lại được	

chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ.(**CS64)**	nội dung chính trong câu chuyện, bài thơ, đồng dao trẻ được nghe	
MT88: Trẻ sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống (**CS77)**	- Sử dụng các câu xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người: Tạm biệt, xin chào, cảm ơn, xin lỗi….	
MT89: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động **(CS69)**	- Hướng dẫn bạn bè trong trò chơi, trong các hoạt động.	
MT90: Trẻ biết cách điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp(**CS73)**	- Trẻ tự điều chỉnh được giọng nói, ngữ điệu phù hợp với hoàn cảnh và nhu cầu giao tiếp.	
MT91: Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động; **(CS 62)**	- Lắng nghe, hiểu được, thực hiện được nhiệm vụ phù hợp với chỉ dẫn.	
MT92: Trẻ có khả năng hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi**(CS63)**	- Thường xuyên nhận ra và nói được 1 số từ khái quát: Nhóm đồ dùng đựng nước uống bao gồm ca, cốc, tách..	
MT93:Trẻ kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định **.(CS71)**	- Thường xuyên tự kể lại được nội dung câu chuyện đã được nghe 1 cách rõ ràng theo trình tự nhất định.	
MT94:Trẻ biết kể chuyện theo tranh (**CS85)**	- Trẻ có thể nói được nội dung của tranh minh họa. Xếp được các bức tranh theo đúng trình tự và kể được nội dung chính của câu chuyện.	

Sử dụng lời nói trong cuộc sống hằng ngày		
MT95:Trẻ hay đặt câu hỏi(**CS112)**	- Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu và làm rõ thông tin.	
MT96 : Trẻ có khả năng nói rõ ràng**(CS65)**	- Phát âm đúng và rõ ràng, không nói ngọng nói lắp, nói đủ câu, để người khác có thể hiểu được.	
MT97:Trẻ không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện (**CS75)**	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt, không nói leo, thể hiện sự tôn trọng người nói bằng việc không ngắt lời người khác	
MT98: Trẻ có thể sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân(**CS68)**	- Trẻ có thể dùng lời nói để tự diễn đạt và làm cho người khác hiểu được cảm xúc của bản thân	
MT99: Trẻ có thể sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp**(CS67)**	-Hay hỏi về chữ, hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe hoặc tự đọc. -Chú ý đến hành động viết của người lớn. -Sử dụng đúng các loại câu : câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu nghi vấn, câu mệnh lệnh phù hợp với tình huống	
MT100:Trẻ hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói **(CS76)**	- Trẻ chủ động dùng câu hỏi để hỏi lại, hoặc thể hiện qua cử chỉ điệu bộ khi trẻ không hiểu lời nói của người khác.	
MT101: Trẻ không nói tục, chửi bậy(**CS78)**	- Trẻ không nói tục chửi bậy.	
MT 102: Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày	- Sử dụng đúng danh từ, tính từ, động từ biểu cảm trong câu nói phù hợp với hoàn cảnh.	

(CS66)		
MT103: Trẻ có thể kể về một sự việc, hiện tượng nào đó để người khác hiểu được **(CS70)**	- Tự kể lại sự việc hiện tượng rõ ràng theo trình tự logic về sự việc hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy. Khi người nghe chưa rõ thì trẻ có thể kể chậm lại, nhắc lại, giải thích	
MT104: Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Nghe, hiểu và làm được các yêu cầu.	
MT105: Trẻ có thể miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái…của nhân vật	- Trẻ kể lại sự việc 1 cách mạch lạc rõ ràng	
MT106: Trẻ có thể sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm…phù hợp với ngữ cảnh.	Sử dụng đúng các danh từ, động từ, tính từ,.. chỉ svht phù hợp với ngữ cảnh.	
MT107:Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau(**CS119)**	- Thường là người khởi xướng và đề nghị bạn tham gia vào trò chơi của bản thân - Xây dựng các công trình từ những khối xây dựng khác nhau - Có những vận động sáng tạo khác với hướng dẫn của cô	
MT108: Trẻ biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện**(CS72)**	- Chủ động nói chuyện với bạn bè, người lớn, mạnh dạn giao tiếp với người xung quanh	
MT109: Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác (**CS120)**	- Trẻ đóng được vai của các nhân vật trong truyện - Thể hiện được tính cách, hành động phù hợp với nhân vật.	
MT110: Trẻ có một số hành vi như	- Cầm sách đúng chiều, biết cách	

người đọc sách (**CS83)**	lật trang, đọc từ trái qua phải, từ trên xuống dưới	
MT111:Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân (**CS87)**	- Trẻ biết dùng kí hiệu, hình vẽ thể hiện cảm xúc, nhu cầu ý nghĩ của bản thân qua tranh, qua các đoạn "viết". Nói được nội dung tranh/ đoạn viết phù hợp.	
MT112: Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói **(CS86)**	- Hiểu được chữ viết có thể đọc và sử dụng chữ viết với các mục đích khác nhau.	
MT113: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh (**CS79)**	Hay hỏi về chữ hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe hoặc tự đọc	
MT114: Trẻ biết "viết" tên của bản thân theo cách của mình **(CS89)**	- Trẻ tự viết tên của mình theo trí nhớ không cần sự giúp đỡ.	
MT115: Trẻ có khả năng "Đọc" theo truyện tranh đã biết (**CS84)**	- Trẻ tự "đọc" được nội dung chính phù hợp với tranh.	
MT116: Trẻ Thể hiện sự thích thú với sách **(CS80)**	- Tìm sách để đọc, yêu cầu người khác đọc sách để nghe, thường xuyên thể hiện hứng thú khi nghe cô giáo đọc sách cho cả lớp. - Thường chơi ở góc sách, "đọc" sách tranh.	
MT 117: Trẻ có thể bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái **(CS88)**	- Biết sử dụng các dụng cụ viết, vẽ để bắt chước hành vi viết và sao chép được các từ, chữ cái theo trật tự.	
MT 118:Trẻ biết "viết" chữ theo thứ	- Trẻ thực hiện viết theo đúng	

tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới **(CS90)**	quy tắc của tiếng việt: Từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.	
MT119:Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt **(CS91)**	- Nhận biết và phát âm đúng các chữ cái tiếng việt.	
MT120:Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách(**CS81)**	- Cầm, giở sách, giữ sách cẩn thận. Để sách đúng nơi quy định.	
MT121: Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình **(CS118)**	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ.	
MT122:Nói về ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của mình**(CS103)**	-Nói được ý tưởng và đặt tên cho sản phẩm	
MT123:Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác (**CS120)**	.- Trẻ đặt tên mới cho câu chuyện, biết mở đầu, tiếp tục, kết thúc câu chuyện theo các cách khác nhau nhưng không mất đi ý nghĩa câu chuyện.	
MT124: Trẻ đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao…	- Trẻ nói, thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với bài thơ, đồng dao, ca dao…	
GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ QUAN HỆ XÃ HỘI		
Thể hiện ý thức về bản thân		
MT125: Trẻ nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân (**CS29)**	- Nói được điều mình thích đúng với biểu hiện trong thực tế	
MT126: Trẻ biết ứng xử phù hợp	- Trẻ trai mạnh mẽ dứt khoát, trẻ	

với giới tính của bản thân.(**CS28)**	gái nhẹ nhàng ý tứ - Lựa chọn trang phục phù hợp với giới tính	
MT127: Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân**(CS30)**	- Lựa chọn các trò chơi, đồ chơi các hoạt động khác theo sở thích của bản thân. - Thuyết phục bạn thực hiện theo đề xuất của mình.	
MT128: Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn (**CS51)**	- Thực hiện sự phân công của người khác.	
MT129:Trẻ biết chấp nhận sự khác biệt giữa người khác với mình (**CS59)**	- Tự nhận ra sự khác biệt của bạn mình, chơi với bạn hòa đồng không xa lánh bạn. - Tôi là ai trong gia đình.	
Thể hiện sự tự tin, tự lực		
MT 130: Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng(**CS31)**	- Tự tin và hoàn thành công việc được giao	
MT131: Trẻ chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày **(CS33)**	- Tự giác thực hiện công việc đơn giản hàng ngày không chờ sự nhắc nhở	
MT132: Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân**(CS34)**	-Mạnh dạn nói lên suy nghĩ của riêng mình	
MT133: Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác **(CS52)**	- Tham gia tích cực vào các hoạt động cùng cô và các bạn	
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
MT134: Trẻ có khả năng bộc lộ cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ và nét mặt **(CS 36)**	- Nói việc mình có thể làm phù hợp khả năng của bản thân - Phân biệt cảm xúc khác nhau yêu- ghét; vui- buồn, tức giận, xấu hổ, ngạc nhiên, sợ hãi, và có	

	tình cảm với người thân và bạn bè	
MT135: Trẻ biết kiềm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích **(CS41)**	- Trấn tĩnh lại và hạn chế được cảm xúc khi được người khác giải thích, an ủi - Chơi với bạn vui vẻ, biết giải quyết mâu thuẫn giữa mình vơi các bạn trong nhóm	
MT136: Trẻ thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc **(CS32)**	-Ngắm nghía, nâng niu sản phẩm của mình -Khoe, kể về sản phẩm của mình với người khác -Giữ gìn bảo quản sản phẩm	
MT137: Trẻ thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè **(CS50)**	- Chủ động bắt tay vào công việc với bạn và thực hiện công việc không xẩy ra xung đột	
MT138: Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui,buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, xấu hổ của người khác**(CS35)**	- Trẻ nhận biết và nói được trạng thái cảm xúc của người khác	-
MT 139: Thể hiện sự an ủi và chia vui với người thân, bạn bè**(CS37)**	Trẻ nhận ra tâm trạng của bạn bè, người thân, biết an ủi, động viên	
MT140: Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi**(CS44)**	Kể cho bạn về chuyện vui, buồn của mình. Trao đổi, chia sẻ với bạn cùng nhóm	
MT141: Trẻ chú ý lắng nghe ý kiến của người khác(**CS48)**	- Chú ý nghe người khác nói không cắt ngang - Chấp nhận ý kiến khác của bạn	
MT142: Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình**(CS27)**	- Nói được thông tin cơ bản cá nhân và gia đình như: họ tên, các thành viên, địa chỉ nhà số điện thoại v.v…	
MT143:Trẻ nhận ra việc làm của	- Nói được việc làm của mình có	

mình có ảnh hưởng đến người khác (**CS53)**	ảnh hưởng đến người khác như thế nào - Giải thích được phản ứng của bản thân đối với cảm xúc hoặc hành vi của người khác	
MT144:Trẻ nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân**(CS58)**	- Nói đúng khả năng của một số người gần gũi	
MT145; Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ + Nhận ra một số hình ảnh gắn bó giữa bác với trẻ em	- Bác Hồ là lãnh tụ của dân tộc VN, Biết quê Bác và nơi an nghỉ của Bác. - Bác yêu các em nhỏ, các bạn nhỏ yêu quý Bác Hồ.	
MT146; Trẻ biết thể hiện tình cảm với Bác Hồ khi nghe hát, đọc thơ cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thích đọc thơ, kể chuyện, hát những bài hát về BH.	
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
MT147: Trẻ dễ hoà đồng với bạn bè trong nhóm chơi**(CS42)**	- Nhanh chóng hòa đồng, vui vẻ thoải mái khi chơi trong nhóm bạn	
MT148: Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ phép với người lớn**;(CS 54)**	- Ứng xử phù hợp và có hành vi lễ phép với người lớn	
MT149: Trẻ chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi (**CS43)**	- Chủ động bắt chuyện mạnh dạn trả lời các câu hỏi khi giao tiếp	
MT150:Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn **(CS60)**	Thấy được sự không công bằng trong nhóm bạn đưa ra các cách giải quyết	
MT151: Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn(**CS45)**	- Chủ động giúp đỡ khi người khác cần giúp đỡ, săn sàng nhiệt tình giúp đỡ khi người lớn yêu	

	cầu	
MT152: Trẻ biết trao đổi ý kiến của mình với các bạn **(CS49)**	- Biết trình bày ý kiến của mình với các ban - Biết thỏa thuận dựa trên sự hiểu biết về quyền của mình và nhu cầu của bạn	
MT153: Trẻ biết chú ý nghe khi cô,bạn nói; không ngắt lời người khác	- Chăm chú lắng nghe ý kiến của cô và bạn.	
MT 154: Trẻ tự đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết **(CS55)**	- Tự đề nghị tìm sự hỗ trợ của người lướn hoặc bạn khi gặp khó khăn	
MT155:Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên**(Cs46)**	- Thường hay chơi theo nhóm bạn, có ít nhất hai bạn thân	
MT156:Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động (**CS47)**	- Tuân theo trật tự chờ đến lượt tham gia hoạt động	
MT157: Trẻ có thể thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh**(CS40)**	- Biết nói khẽ đi lại nhẹ nhàng khi người khác bị ốm, - Giữ thái độ chú ý trong giờ học - Vui vẻ hào hứng với các sự kiện được tổ chức	
Quan tâm đến môi trường		
MT158:Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày(**CS57)**	- Giữ gìn vệ sinh trong lớp ngoài đường, tắt điện khi ra khỏi phòng biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày	
MT159: Nhận xét một số hành vi đúng sai của con người với môi trường**(CS56)**		
MT160: Trẻ thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	- Đi học đúng giờ, không nói chuyện, giữ gìn vệ sinh nhà cửa, lớp học và nơi công cộng	

MT161: Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt	- Sử dụng hợp lý điện nước.	
Phát triển thẩm mỹ		
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật		
MT162: Nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc (CS99)	- Trẻ biểu lộ cảm xúc phù hợp với giai điệu của bài hát, bản nhạc và gọi tên giai điệu, bài hát phù hợp với bản nhạc đó	
MT163: Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc (CS101)	- Thể hiện nét mặt, vận động phù hợp với sắc thái nhịp điệu của bài hát. - Vỗ tay, giậm chân, lắc lư, nhún nhẩy theo nhạc và sử dụng các dụng cụ gõ đệm đa dạng	
MT164: Trẻ thể hiện sự thích thú trước cái đẹp (CS38)	- Nhận ra được cái đẹp, thể hiện sự thích thú reo hò khen ngợi xuýt xoa , nâng niu trước cái đẹp	
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc, tạo hình		
MT 165: Hát đúng giai điệu bài hát trẻ em**(CS100)**	**-** Hát đúng lời và giai điệu bài hát.	
MT166: Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm đa dạng : xắc xô, thanh gõ, phách tre…	
MT 167: Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, cắt, xé dán, nặn, xếp hình để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Thể hiện thái độ, tình cảm trước cái đẹp -Vẽ nặn cắt xé dán , xếp hình sản phẩm đa dạng có màu sắc , bố cục, kích thước cân đối hài hòa.	
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
MT168: Trẻ tự nghĩ ra các hình thức	- Sử dụng các kỹ năng , dụng cụ	

để tạo ra âm thanh, vận động, theo bản nhạc, bài hát yêu thích	âm nhạc để tạo âm thanh, hát, vận động theo nhạc, theo ý thích của trẻ	
MT169: Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích và biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Trẻ nhận xét sản phẩm tạo hình của mình và của bạn, trẻ nêu nội dung và đặt tên cho sản phẩm	
MT170:Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản(**CS102)**	- Biết phối hợp ít nhất 2 loại vật liệu để làm ra 1 loại sản phẩm.	
MT171: Trẻ có thể có thay đổi một vài tình tiết, thêm bớt sự kiện..trong nội dung truyện.	- Trẻ biết kể chuyện sáng tạo	

PHỤ LỤC 2: MỤC TIÊU, NỘI DUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP MONTESSORI

Mục tiêu	Nội dung
a. Hoạt động thực hành cuộc sống:	
- Trẻ được trải nghiệm những kỹ năng thực tế … Hoạt động chăm sóc bản thân - Trẻ cũng học được thói quen biết chờ đợi đến lượt mình, chờ đợi hoạt động mình muốn làm, đưa ra những lời nhận xét mang tính chất xây dựng và tích cực đồng thời biết lắng nghe người khác –Trẻ biết chào hỏi, biết cảm ơn và xin lỗi, biết tôn trọng bản thân, người khác và môi trường xung quanh, biết giao tiếp và tương tác một cách lịch sự với người lớn và bạn bè đồng trang lứa, tham gia vào	***- Góc thực hành kỹ năng cuộc sống*** + Trẻ thực hiện các hoạt động tự phục vụ: đánh răng, chải tóc, tự treo quần áo, mũ , cài khuy áo, thắt nơ, thắt dây giày, khâu may đồ vật, xếp khăn ăn, tự cắt đồ ăn, nghiền, rắc, tự làm một số món ăn, tự dọn bàn ăn,… + Trẻ hoạt động với bộ dụng cụ cài khuy, thắt dây, kẹp gắp, phễu, bọt biển, thìa,…) + Hoạt động chăm sóc môi trường: tưới cây, trồng cây, chăm sóc cây, cắm hoa, lau dọn và vệ sinh các giáo cụ, vật dụng xung quanh môi trường, đánh bóng đồ vật, lau bụi giá kệ…

các hoạt động để hình thành kĩ năng xã hội,…	
b. Hoạt động giác quan:	
Phát triển, phân loại và đánh giá sự kích thích mà trẻ nhận được thông qua các giác quan.	***- Góc cảm quan*** + Thị giác: tấm màu sắc, khối hình học, cầu vồng… + Thính giác: khối hình trụ âm thanh, chuông, … + Vị giác: khay vị giác … + Khứu giác: lọ khứu giác… + Xúc giác: túi thần kì, các loại vải .. + Xếp hình tam giác 5 hộp + Tấm xúc giác 2 - nhám nhẵn + Bảng so sánh màu sắc + Bảng màu số 3 + Tháp hồng, thang nâu, gậy đỏ + Tấm sắt hình học + Trụ có núm, không có núm
c. Toán học:	
Phát triển trí tuệ, khả năng nhận thức của trẻ. Phát triển khả năng nhận biết và phân loại theo màu sắc, hình dạng, kích thước hoặc loại. Trẻ hiểu số lượng và thực hành đếm. Trẻ biết ghép số với số lượng tương ứng. Phân biệt kích thước và thực hành sắp xếp theo thứ tự.	***- Góc toán*** + Trẻ sử dụng các giáo cụ cụ thể như cây gậy số, số cát, đồ vật để đếm, xếp hình và các trò chơi toán học tại chỗ khác như nối ghép, phân loại, các phép tính và giá trị. + Nhận biết số trên đồng hồ + Bộ thước cộng + Hoạt động bảng 100 + Đếm trong hệ thập phân với các hạt cườm vàng + Bảng 10. Trừ trong phạm vi 10 bằng các chuỗi hạt + Hoạt động Bộ thước cộng + Móc treo các chuỗi hạt cườm màu từ 1 - 9 + Xếp khối hình học bậc thang + Số và chấm tròn + Số cát nhám + Hộp 45 que tính + Thẻ số và chấm rời 1-10

	+ Gậy số loại nhỏ + Bảng hàng chục + Bảng cộng- trừ + Hộp tạo hình từ tam giác
d. Ngôn ngữ:	
Trẻ được đọc sách, nghe kể chuyện, hát và lắng nghe các bạn khác chia sẻ. Âm vị của các chữ cái được giới thiệu thông qua phương pháp ngữ âm một cách tự nhiên. Sự phát triển từ vựng của trẻ được nhấn mạnh ở tất cả các lĩnh vực bằng cách sử dụng các từ cụ thể để chỉ các đồ vật trong lớp.	***- Góc ngôn ngữ*** + Hoạt động chữ cái lõm, hoạt động với hộp âm + Hoạt động với chữ cái nhám, thẻ chữ cái nhám in thường + Hoạt động với thơ, chuyện. + Sao chép chữ + Bộ chữ cái di động
e. Khoa học, địa lý, lịch sử, nghệ thuật, âm nhạc…	
Thông qua các giáo cụ, trẻ học cách nối và phân loại các đồ vật và tranh ảnh giữa vật tĩnh và vật động, thực vật và động vật. Trẻ thích tạo ra các cuốn sách nhỏ về các 'bộ phận' của động vật như tai, mắt, đuôi, lưng…từ côn trùng đến động vật có vú. Khám phá thế giới thông qua các bông hoa, quả táo hoặc quả cam mang lại sự thích thú cho trẻ trong lớp học. - Trẻ nhận biết hệ mặt trời, các hành tinh, vị trí địa lí của châu lục trên bản đồ - Phân biệt được quốc kỳ các nước trên thế giới	***- Góc văn hóa:*** *Khoa học:* + Vòng đời thực vật cây lạc + Dòng thời gian 12 mùa hoa trong năm. + Túi ảnh động vật châu lục + Vòng đời các con vật + Ghép hình con ngựa + Ghép hình con cá + Ghép hình con chim + Ghép hình lá + Ghép hình cây, ghép hình hoa + Ghép hình hạt mầm + Ghép hình con ngựa + Ghép hình con cá + Ghép hình chim cánh cụt + Mô hình sự phát triển của cây đậu… + Mô hình sự phát triển của con gà …
Trẻ được học về quả địa cầu, thế giới, cấu tạo của đất, nước thông qua những con thuyền thu nhỏ nổi trên mặt hồ, vịnh thu nhỏ… Trẻ được dùng bản đồ thế giới và bản đồ nước Mỹ cũng như thực hiện các	*Địa lý:* + Hoạt động cùng quả địa cầu nhám. + Hoạt động cùng Quả địa cầu màu + Qủa cầu nhám đất, nước, không khí + Bản đồ thế giới và 36 cờ nhỏ

hoạt động. Trẻ hát bài hát về các châu lục Biết vị trí các châu lục trên bản đồ Trẻ biết Hệ mặt trời có bao nhiêu hành tinh và thứ tự các hành tinh	+ Xếp hình, tô theo viền và tô màu bản đồ + Sa bàn hệ mặt trời + Ghép hình vỏ trái đất + Bản đồ 2 bán cầu + Tạo hình đất và nước
Trẻ biết định hướng về thời gian thông qua đơn vị đo thời gian (giờ, phút, ngày, tháng, năm) và công cụ đo thời gian (đồng hồ, lịch) Nhận biết các sự kiện xảy ra theo thời gian thông qua các mốc thời gian của cá nhân (ngày sinh, sự hình thành và phát triển của trẻ…) và các mốc thời gian của nhân loại (các kỷ nguyên, các thời kỳ lịch sử…)	*Lịch sử:* + Hoạt động cùng Đồng hồ + Trẻ sẽ tự làm các mốc thời gian cho chính mình với các bức ảnh và lịch tháng. + Hoạt động cùng đồng hồ cát, đồng hồ hẹn giờ + Ghép hình đồng hồ, ghép hình các ngày trong tuần…) + Hoạt động cùng thẻ đồng hồ, thẻ các mốc thời gian trong cuộc đời….
Trẻ có được những kĩ năng tự thể hiện bản thân với bút chì màu, màu nước, sơn keo, đất nặn, xé dán và các loại vật liệu khác.	*Nghệ thuật:* + Trẻ trải nghiệm các hoạt động sáng tạo khác nhau. + Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích. + Đặt tên cho sản phẩm của mình.
Trẻ em học và thể hiện bản thân bằng âm nhạc	*Âm nhạc:* + Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca). + Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát. + Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp